

MỘT BƯỚC TÌM VỀ NGUYÊN TÁC *TRUYỆN KIỀU*: Khảo luận về các thành ngữ “*Rút dây động rừng*” và “*Tai vách mạch rừng*” (Tiếp theo)

Lê Mạnh Chiến*

Trong phần trước (tạp chí *NC&PT* số 1 (118). 2015) chúng tôi đã khảo luận thành ngữ “*Rút dây động rừng*” trong câu 1.580 của *Truyện Kiều*: “*Rút dây sợ nũa động rừng lại thôi*”. Giờ xin khảo luận tiếp thành ngữ “*Tai vách mạch rừng*” trong câu 1.755: “*Ở đây tai vách mạch rừng*”.

VII. Khảo sát câu 1.755 trong 54 văn bản *Truyện Kiều* sưu tầm được
(Xem danh mục ở phần cuối bài viết)

A. Câu 1.755 trong 28 bản Quốc ngữ

Trong số 28 bản Quốc ngữ, có 7 bản ghi nhận câu “*Ở đây tai vách mạch dừng*”, 21 bản ghi nhận câu “*Ở đây tai vách mạch rừng*”. Trong 21 bản này, có 17 bản hiểu chữ “*rừng*” theo nghĩa thông thường của nó (rừng là vùng đất rộng có cây cối sống lâu năm) và 4 bản gán cho chữ “*rừng*” một “nghĩa lạ”, cho rằng, *rừng* cũng là *dừng*, là vách làm bằng phen tre hoặc nứa.

1. Có 7 bản Quốc ngữ ghi nhận câu “*Ở đây tai vách mạch dừng*”

a. Có 1 bản không chú thích ở câu 1.755

- Bản QN₍₁₉₎. *Truyện Kiều đối chiếu* của Phạm Đan Quế, tái bản, Nxb Hải Phòng, 1999.

Chú ý: Cũng sách này, ở lần xuất bản đầu tiên (Nxb Hà Nội, 1991) vẫn ghi nhận: *Ở đây tai vách mạch dừng*. Có thể tin rằng, sự sửa đổi này là do ảnh hưởng của ông Phan Ngọc, người viết *Lời giới thiệu* cho cuốn sách này.

b. Có 6 bản chú thích ở câu này

- Bản QN₍₄₎. *Truyện Kiều*, Bùi Kỷ-Trần Trọng Kim hiệu khảo (In năm 1925). Chú thích: Phương ngôn: “*Dừng có mạch, vách có tai*”. *Dừng* là cái vách làm bằng phen.

- QN₍₈₎. *Kim Vân Kiều*, Đồ Nam cư sĩ dịch và chú thích. Chú thích ở câu 1.755: *Dừng* đây là tấm liếp tre có mạch, cũng như cái vách có tai nghe (dừng làm với rừng cây).

- QN₍₉₎. *Truyện Kiều chú giải* của Văn Hạc Lê Văn Hòe. Chú thích số 1.484 (cho câu “*Ở đây tai vách mạch dừng*”): *Tai vách* là tường có vách, có tai nghe. *Mạch dừng* là *dừng có mạch hở*; *dừng* là những thanh tre dừng vào vách để trát vữa lên trên. Vách và *dừng* đều có tai để nghe, ý nói chỗ nào cũng có người nghe

* Thành phố Hà Nội.

ngóng nhìn mò, dù nói năng ở chỗ vắng vẻ, chỉ có dùng và vách cũng sẽ có người nghe biết. Phương ngôn ta có câu “*Dùng có mạch, vách có tai*”. Câu này lấy chữ ở câu phương ngôn đó.

- QN₍₁₀₎. *Truyện Thúy Kiều* (Đoạn trường tân thanh), Giáo sư Nguyễn Huy chú giải. Chú thích: *Tai vách mạch dùng*: Nghĩa câu “Bích trung hữu nhĩ”, nghĩa là trong tường vách có tai. Ý câu này nói: Ở đây khẽ động nói gì là có người nghe thấy ngay.

- QN₍₁₁₎. *Kim Vân Kiều*, Nguyễn Việt Hoài hiệu đính và chú thích. Chú thích ở câu 1.755: *Tai vách, mạch dùng*: Ở câu phương ngôn “*Dùng có mạch, vách có tai*”. Ý nói khó giữ kín đáo. *Dùng* = phen bằng nan.

- Bản QN₍₁₂₎. *Truyện Kiều lược khảo, lược chú*, Bùi Kỷ, Nxb Phổ thông, Hà Nội, 1960 (và tái bản nhiều lần). Lược chú: *Dùng có mạch, vách có tai*, ý nói: phải giữ mồm giữ miệng.

2. Có 17 bản ghi nhận câu 1.755 là “Ở đây tai vách mạch rừng” (trong đó, rừng là rừng cây)

Trong số 17 bản ấy, có 6 bản không chú thích về câu này. Chỉ có 11 bản chú thích sơ sài.

a. Có 6 bản không có lời chú thích ở câu này. Đó là các bản QN₍₁₇₎, QN₍₁₈₎, QN₍₂₂₎, QN₍₂₃₎, QN₍₂₄₎, QN₍₂₇₎.

Bởi vậy, chữ “rừng” ở đây chắc chắn phải hiểu là “rừng cây”, vì nếu hiểu theo “nghĩa lạ” thì phải chú thích như các cụ Bùi Khánh Diễm và Đào Duy Anh đã làm.

b. Có 11 bản chú thích về “Tai vách mạch rừng” theo nghĩa đúng của từ “rừng”

- QN₍₁₎. *Poème KIM VÂN KIỀU* truyện của P. J. B. Trương Vĩnh Ký. Đây là bản *Truyện Kiều* đầu tiên được in bằng chữ Quốc ngữ. Chú thích ở câu 1.755: *Tai vách, mạch rừng*: Ở đây, rừng có mạch, vách có tai.

- QN₍₂₎. *Kim Túy tình từ* của Phạm Kim Chi. Chú thích ở câu 1.755: *Tai vách mạch rừng* là rừng có mạch, vách có tai.

- QN₍₅₎. *Kiều truyện dẫn giải* của Hồ Đắc Hàm. Chú thích ở câu 1.755: “*Tai vách mạch rừng*”: bởi câu tục ngữ “Rừng có mạch, vách có tai”, nghĩa là việc trong để lộ ra ngoài, cũng như có tai bên vách khó nổi giấu ngược giấu xuôi, đầu nhỏ sau thành ra lớn, cũng như mạch nước trong rừng chảy ra thành sông thành bể. Đây nói ở nhà Hoạn-bà khó lòng, nên phải giữ gìn cẩn thận, không để người ta dò biết sự mình mà gây việc.

- QN₍₆₎. *Truyện Kiều* (Đoạn trường tân thanh), Nông Sơn Nguyễn Can Mộng hiệu đính và chú thích. Chú thích: Vách có tai, rừng có mạch, ý nói có người nghe thấy.

- QN₍₇₎. *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện* của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Chú thích ở câu 1.755: Bốn chữ này (*tai vách, mạch rừng*) bởi câu phương ngôn “*Rừng có mạch, vách có tai*”, ý nói phải giữ kín đáo.

- QN₍₁₃₎. *Truyện Kiều* (Đoạn trường tân thanh), Nhóm Nghiên cứu văn bản *Truyện Kiều*. Chú thích ở câu 1.755: *Tai vách mạch rừng*: do câu thành ngữ “Rừng có mạch, vách có tai”.

- QN₍₁₆₎. *Truyện Kiều của Nguyễn Du*, Hà Huy Giáp giới thiệu, Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú thích. Chú thích ở câu 1.755: Tục ngữ: *Rừng có mạch, vách có tai*, ý nói đâu cũng có thể có người nghe ngóng mà biết được cả, dù ở chỗ vắng vẻ đến mấy.

- QN₍₂₀₎. *Truyện Kiều tập chú*, Trần Văn Chánh, Trần Phước Thiện, Phạm Văn Hòa. Chú thích ở câu 1.755 (Hán-Anh-Pháp): *Tai vách mạch rừng*: [壁中有耳 (= trong tường có tai) / walls have ears (= các bức tường đều có tai) / les murs ont des oreilles; oreilles des murs et clairières de la forêt (= các bức tường đều có tai; những cái tai của các bức tường và những khoảng rừng thưa cây cối, dễ đi qua)].

Ở đây, các lời chú thích bằng Hán ngữ, Anh ngữ và Pháp ngữ đều dịch nhóm từ “tai vách” (vốn có gốc là “vách có tai”) bằng một thành ngữ vốn có trong mỗi ngôn ngữ ấy, rất sát với “vách có tai” trong tiếng Việt, nhưng bỏ qua các chữ “mạch rừng”. Riêng các chữ “mạch rừng” được dịch sang Pháp ngữ là “clairières de la forêt” = những chỗ thưa thoáng trong rừng (dễ đi qua).

- QN₍₂₁₎. *Truyện Kiều*, Bùi Hạnh Cẩn - Hoài Ý biên dịch. Chú thích ở câu 1.755: “*Tai vách mạch rừng*”: Rừng có mạch, vách có tai: phải giữ gìn mồm miệng, đâu đâu cũng có thể có người nghe ngóng.

- QN₍₂₅₎. *Truyện Kiều*, Vũ Ngọc Khánh biên soạn, Nxb Hải Phòng, 2006. Chú thích ở câu 1.755: *Tai vách mạch rừng*: do câu thành ngữ “Rừng có mạch, vách có tai”

- QN₍₂₈₎. *Truyện Kiều - Đoạn trường tân thanh* của nhóm Nguyễn Văn Hoàn. Chú thích ở câu 1.755: *Tai vách mạch rừng*: Do câu thành ngữ: *Rừng có mạch, vách có tai*.

3. Có 4 bản chú thích về “*Tai vách mạch rừng*” theo “nghĩa lạ” của từ “*rừng*”

- QN₍₃₎. *Kim Vân Kiều chú thích (Đoạn trường tân thanh)* của Bùi Khánh Diễm: Câu 1.755 có chú thích (1) cho “tai vách” và chú thích (2) cho “mạch rừng”:

(1) 詩: 耳屬於垣 (Thi: Nhĩ thuộc vu viên) *Kinh Thi*: Tai nghe qua làn vách.

(2) Mạch rừng là trát vách trước phải buộc nan rừng đã.

Mặc dầu câu chú thích (2) không sáng sủa nhưng qua đó có thể hiểu rằng “nan rừng” là những thanh tre liên kết với nhau để trát vách. Như vậy, theo cụ Bùi Khánh Diễm thì “nan rừng” là nan làm cốt để trát vách, “rừng” là “bộ xương” bằng nan để trát vách, thường gọi là “dứng”. Hẳn là, theo cụ thì “mạch rừng” là những khe rỗng ngầm dọc theo các nan tre làm cốt vách.

- QN₍₁₄₎. *Truyện Kiều*, Đào Duy Anh khảo đính, in kèm theo *Từ điển Truyện Kiều*. Giải thích (ở *Từ điển Truyện Kiều*) *Tai vách mạch rừng*: Do câu tục ngữ “Rừng có mạch, vách có tai”, ý nói những điều nói riêng có thể lọt ra ngoài cho người khác nghe được nên phải giữ mồm giữ miệng. Mạch rừng, cũng nói là mạch dùng. Rừng là bức vách kết bằng thanh tre hay thanh nứa ghép với nhau, mà mạch là các kẽ hở giữa các thanh tre hay nứa.

Vậy, ở đây, “rừng” nghĩa là tấm phen bằng tre hoặc nứa, bao quanh các phòng.

- QN₍₁₅₎. *Truyện Kiều*, Đào Duy Anh khảo chú văn bản. Tham gia hiệu đính: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Công Hoan, Hoài Thanh, Tuấn Đô. Chú thích về “*Tai vách mạch rừng*” giống như ở *Từ điển Truyện Kiều*.

- QN₍₂₆₎. *Truyện Kiều* (Khảo-Bình-Chú), Trần Nho Thìn, Nguyễn Tuấn Cường. Chú thích: *Tai vách mạch rừng*: ý nói luôn có người rình rập nghe ngóng. Bức tường (vách) cái *rừng* có khe hở (*mạch*), cái *rừng* (còn gọi là *dùng*) là bức tường ngăn làm bằng tre nứa. N5 (= bản Nôm của Kiều Oánh Mậu, khắc in năm 1902, theo bản in kèm của Thế Anh): “*Tai vách*, bích trung hữu nhĩ dã. *Mạch rừng*, nam tục mỗi dụng trúc biên bích giáp xứ, vị chi *mạch*” (*Tai vách* nghĩa là trong vách có tai nghe. Tục Việt Nam gọi những chỗ tiếp giáp nơi bức tường làm bằng tre là *mạch*).

B. Câu 1.755 trong 15 bản Nôm-Quốc ngữ

Ở tất cả 15 bản Nôm-Quốc ngữ, chữ Nôm cuối cùng của câu 1.755 là chữ 棱 (có âm Hán-Việt là *lăng*) vốn dùng để ghi âm “*rừng*” trong tiếng Việt.

1. Có 1 bản đọc chữ 棱 là “*dùng*” và ghi nhận câu 1.755 là “*Ở đây tai vách mạch dùng*”

- N/QN₍₉₎. *Truyện Kiều*, bản 1902 (bản Kiều Oánh Mậu). Chữ Nôm cuối cùng của câu này mượn chữ *lăng* 棱 (bộ Mộc 木) của Hán ngữ, đáng lẽ phải đọc là *rừng*, nhưng các nhà khảo chú đã đọc là *dùng*:

於低腮壁脈棱

1.755 Ở đây tai vách mạch *dùng*

Và chú thích: chữ DÙNG là vách phen, ngạn ngữ: vách có tai, dùng có mạch.

2. Có 14 bản ghi nhận câu 1.755 là “*Ở đây tai vách mạch rừng*”

Trong số 14 bản ấy, có 3 bản chú thích ở câu này.

- N/QN₍₄₎. *Truyện Kiều*. Bản Kinh đời Tự Đức, Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị. Có 2 chú thích:

* *Tai vách mạch rừng*: Bốn chữ này bởi câu phương ngôn “*Rừng có mạch, vách có tai*”, ý nói phải giữ kín đáo nếu nói gì sai trái sẽ có kẻ mách lại mà thiệt thân. Chữ 棱 có thể viết sang Quốc ngữ là “*rừng*” hoặc “*dùng*”.

* *Mạch rừng*: Nếu viết “*rừng*” thì có thể hiểu là mạch nước chảy ngầm ở trong rừng dù có sâu kín cũng sẽ lộ ra ngoài khiến người ta biết được chỗ có nước chảy. Nếu viết “*dùng*” thì là cái vách làm bằng nứa đập bẹp, có dây buộc, ngoài đắp đất. “*Mạch rừng*” là cái khe ở giữa hai hàng nứa, nếu rút dây sẽ động đến cái vách đất, khiến người ta biết được. Theo chúng tôi thì viết “*mạch rừng*” đúng.

- N/QN₍₅₎. *Truyện Kiều* (Bản Nôm năm 1866), Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị. Chú thích: *Tai vách mạch rừng*: vách có tai, rừng có mạch, ý nói phải giữ gìn lời ăn tiếng nói vì ở đâu cũng có người nghe ngóng cả. Cũng có người viết là *dùng* và hiểu *dùng* là do chữ *dùng* là cốt vách bằng tre, nứa.

- N/QN₍₁₅₎. *Truyện Kiều*. Văn bản hướng tới phục nguyên, Nguyễn Khắc Bảo hiệu đính và chú giải. Chú thích: *Tai vách mạch rừng*: do câu phương ngôn “*Rừng có mạch, vách có tai*”, ý nói những điều bí mật dễ bị người khác nghe được, lọt ra ngoài thì sẽ nguy hiểm.

C. Câu 1.755 trong 10 bản Ngoại ngữ - Quốc ngữ và 1 bản Pháp ngữ

1. Có 6 bản ghi nhận câu “*Ở đây tai vách mạch rừng*” (theo nghĩa đúng của từ “*rừng*”):

- NN/QN₍₁₎. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Abel des Michels dịch sang tiếng Pháp. Câu 1.755: được dịch là: “Ici les murs ont des oreilles, et l’on sait tout ce qui se

passee" (= Ở đây, các bức tường đều có tai, và người ta biết tất cả sự việc đang xảy ra). Từ "*mạch rừng*" bị bỏ qua, không dịch, nhưng khi chú thích, để giúp độc giả đọc bản tiếng Pháp biết rõ bản gốc, dịch giả đã dịch sát từng chữ ở câu 1.755: "Ici (il y a) des oreilles de murs, des sources de forêts" (= Ở đây có những cái tai từ các bức tường, có những mạch nước từ các khu rừng). Từ "*mạch rừng*" được hiểu là "*những mạch nước trong rừng*".

- NN/QN₍₄₎. Kim Vân Kiều, Lê Xuân Thủy dịch sang tiếng Anh. Câu 1.755 được dịch là: "Here, in this house, all the walls have ears like small springs in a forest" (= Ở đây, trong ngôi nhà này, mọi bức tường đều có những cái tai như những mạch nước nhỏ trong một khu rừng).

- NN/QN₍₆₎. Kim Vân Kiều, Trương Cam Vũ dịch sang Hán ngữ. Câu 1.755 "*Ở đây tai vách mạch rừng*" được dịch sang Hán ngữ là 斯間有耳隔牆聞 (Tư gian hữu nhĩ cách tường văn = Gian nhà này có tai, cách tường vẫn nghe được). Không dịch 2 chữ "*mạch rừng*".

- NN/QN₍₇₎. Kieu (Bilingual Vietnamese-English), Michael Counsell dịch. Câu 1.755 "*Ở đây tai vách mạch rừng*" được dịch sang Anh ngữ: Walls have as many ears as streamlets through a wood descend (= Các bức tường có nhiều lỗ tai tựa như những mạch nước xuyên rừng chảy xuống).

- NN/QN₍₁₀₎. Kim Vân Kiều truyện, Song ngữ Việt-Hoa, La Trường Sơn dịch. Dịch giả ghi nhận câu 1.755 là "*Ở đây tai vách mạch rừng*" và đã dịch sang Hán ngữ theo ý chính, không dịch sát theo từng từ ngữ: 这里处处有耳目, 千万要提防 (Giá lý xứ xứ hữu nhĩ mục, thiên vạn yếu đề phòng = Ở đây đâu đâu cũng có tai có mắt, phải đề phòng hết mọi thứ).

- NN. Kim Vân Kiều, bản tiếng Pháp (không có tên dịch giả và không có bản Quốc ngữ kèm theo). Câu 1.755 được dịch như sau: "Ici, les murs ont des oreilles cachées come source en forêt" (= Ở đây, các bức tường đều có những cái tai như mạch nước trong rừng). Như vậy, người đọc cũng biết rằng, dịch giả đã dịch từ câu "*Ở đây tai vách mạch rừng*".

2. Có 1 bản ghi nhận câu "*Ở đây tai vách mạch rừng*" theo "nghĩa lạ" của từ "rừng"

- NN/QN₍₅₎. Kieu, Vietnamese-English, Nguyễn Văn Qua dịch. Câu 1.755: "*Ở đây tai vách mạch rừng*" được dịch là: "In this place, walls have ears, each portion-wall keeps you in sight" (= Ở chốn này, các bức tường đều có tai, mỗi đoạn tường đều theo dõi nòng). Tuy vẫn ghi nhận từ "*mạch rừng*" ở phần tiếng Việt nhưng không dịch là *sources in forest* hay *springs in forest* mà chữ "*rừng*" ở đây lại được diễn đạt bằng "đoạn tường". Có lẽ dịch giả cho rằng, "*rừng*" cũng chính là "*dùng*", là bức vách bằng phên nên đã chuyển sang tiếng Anh bằng từ portion-wall.

3. Có 4 bản ghi nhận câu "*Ở đây tai vách mạch dùng*"

- NN/QN₍₂₎. Kim - Vân - Kiều, Nguyễn Văn Vĩnh dịch sang tiếng Pháp. Câu 1.755: "*Ở đây tai vách mạch dùng*" được dịch sang tiếng Pháp là "En ces lieux, sachez que tous les murs ont des oreilles et des yeux" (= Ở những nơi này, hãy biết rằng, mọi bức tường đều có tai, có mắt). Dịch giả đã bỏ qua các chữ "*mạch dùng*" nhưng có kèm thêm lời dịch rất sát từng chữ trong câu tiếng Việt: Ở đây (ici) tai (oreilles) vách (murs en torchis) mạch (fissures) dùng (lattis en bambous formant

l'ossature des murs en torchis). Vậy là, theo dịch giả Nguyễn Văn Vĩnh thì dùng là những thanh tre tạo thành bộ xương của những bức vách bằng vữa trộn rơm. Ở đây, “mạch dùng” được hiểu là những kẽ nứt” (fissures) ở các thanh cốt vách.

- NN/QN₍₃₎. *Truyện Kiều*, Nguyễn Khắc Viện dịch sang tiếng Pháp. Câu 1.755: “Ở đây tai vách mạch dùng” đã được dịch: “Ici les murs ont des oreilles, chaque cloison vous suit des yeux” (= Ở đây, các bức tường đều có tai, mỗi vách ngăn đều theo dõi cô bằng những con mắt). Câu “chaque cloison vous suit des yeux”, khiến người đọc nghĩ rằng, dịch giả Nguyễn Khắc Viện hiểu chữ “dùng” nghĩa là bức vách bằng tấm phen.

- NN/QN₍₈₎. *The Story of Kieu*, Lê Cao Phan dịch sang tiếng Anh. Câu 1.755: “Ở đây tai vách mạch dùng” (kèm ghi chú: có bản viết: mạch rùng) được dịch sang tiếng Anh: “In this house every wall has its acute ears” (= Trong nhà này, mỗi bức tường đều có những cái tai thính). Dịch giả chú thích: Textually “Tai vách mạch dùng” (ears in the wall, interstices...), in the partition that means to say: “There is no absolute secret” [= Nguyên văn là “Tai vách mạch dùng” (những cái tai trong tường, trong các bức phen...), ở đoạn này có ý nói “Ở đây không có điều gì bí mật được cả”].

- NN/QN₍₉₎. *Histoire de Thuy Kieu*, Lưu Hoài dịch sang tiếng Pháp. Câu 1.755: “Ở đây tai vách mạch dùng”. Dịch: Ici, les murs ont des oreilles et des yeux, ayez la prudence (= Ở đây, các bức tường đều có tai, có mắt, phải thận trọng). Chú thích: Tai vách mạch dùng (ou rùng), ce vers équivaut au proverbe français “Les murs ont des oreilles et des yeux” (Walls have ears and eyes) [= Tai vách mạch dùng (hoặc rùng), câu thơ này tương đương với câu tục ngữ Pháp “Les murs ont des oreilles et des yeux” và tiếng Anh “Walls have ears and eyes” (= Các bức tường đều có tai, có mắt)].

Để tiện theo dõi, chúng tôi xin tóm tắt hiện trạng của câu 1.755 trong 54 văn bản *Truyện Kiều* như sau:

- Có 12 văn bản *Truyện Kiều* ghi nhận câu 1.755 là “Ở đây tai vách mạch dùng” (gồm 7 bản Quốc ngữ, 1 bản Nôm-Quốc ngữ, 4 bản ngoại ngữ).
- Có 5 văn bản ghi nhận “Ở đây tai vách mạch rùng” theo “nghĩa lạ” của từ “rùng”, cho rằng, rùng nghĩa là dùng.
- Có 37 văn bản ghi nhận “Ở đây tai vách mạch rùng”, theo đúng nghĩa của từ “rùng”.

VIII. Kiến giải hồi hợt và chú giải thiếu sức thuyết phục về cụm từ “Tai vách mạch dùng”

A. Những kiến giải hồi hợt về cụm từ “Tai vách mạch dùng”

Các nhà biên khảo Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim và Lê Văn Hòe xác nhận rằng, thành ngữ “Tai vách mạch dùng” có xuất xứ từ câu tục ngữ “Dùng có mạch, vách có tai”.

1. Kiến giải về câu “Dùng có mạch, vách có tai” trong các từ điển tiếng Việt (Xem danh mục các cuốn từ điển ở phần V của bài viết trước)

Các từ điển ghi nhận câu “Dùng có mạch, vách có tai” đều giản lược câu này thành cụm từ “Dùng mạch vách tai”.

Cụm từ này được nhắc đến ở 5 quyển từ điển [4], [7], [8], [10], [11] nhưng chỉ được giảng nghĩa ở các cuốn [7] và [11].

- Theo từ điển [7]: **Dùng mạch, vách tai**: Dùng và vách chỉ che khuất người chớ tiếng nói có thể lọt ra ngoài. Nghĩa bóng: Khéo có người nghe biết, nên thận trọng.

- Theo từ điển [11] của Nguyễn Lâm: **“Dùng mạch vách tai”** (là thành ngữ, cùng nghĩa với **Tai vách mạch dùng**). Nếu không thận trọng thì lời nói bí mật của mình lọt vào tai người khác.

2. Cụm từ **“Tai vách mạch dùng”** trong các từ điển tiếng Việt

Cụm từ này được kể đến ở các từ điển [4], [7], [8], [10], [11] nhưng chỉ được cắt nghĩa qua loa ở 3 từ điển [7], [10], [11] vì chỉ nêu nghĩa bóng mà không nói đến nghĩa đen:

- Theo từ điển [7] của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ: **Tai vách, mạch dùng**: Kể vô tình nghe lỏm câu chuyện của mình rồi đi đồn đãi, mặc dầu mình chỉ nói ra với người thân trong nhà mà thôi, không khác gì tấm phen có tai có miệng vậy.

- Theo từ điển [10] của Nguyễn Như Ý: **Tai vách mạch dùng (rừng)**: Dễ bị lộ, dễ bị lan truyền những điều bí mật khi trò chuyện, trao đổi với nhau (**dùng** là thanh tre nứa cài ngang dọc để trát vách).

Với cách viết như ở từ điển [10] thì **rừng** cũng có nghĩa như **dùng**.

- Từ điển [11] của Nguyễn Lâm giải thích: **Tai vách mạch dùng**: Ý nói: phải cẩn thận vì có thể lời nói của mình lọt vào tai người thứ ba, nếu là một điều cần giữ bí mật.

B. Chú giải về cụm từ **“Tai vách mạch dùng”** không nhất quán, thiếu sức thuyết phục

1. Có 12 văn bản ghi nhận câu **“Ở đây tai vách mạch dùng”** nhưng giải thích khác nhau. Trong số 54 văn bản *Truyện Kiều* đã được xem xét, chỉ có 12 văn bản ghi nhận câu **“Ở đây tai vách mạch dùng”**, nhưng từ **“mạch dùng”** lại được hiểu theo hai cách:

a. **Dùng** là bức vách bằng phen, do đó, **mạch dùng** là kẻ hở ở bức vách bằng phen. Lời giải thích này có vẻ hợp lý. Chỉ có 5 văn bản hiểu theo ý này.

b. **Dùng** là cốt tre để trát vách, do đó, **mạch dùng** là đường khe trong vách (theo *Việt Nam từ điển* của Hội Khai trí Tiến đức, *Từ điển tiếng Việt* do Văn Tân chủ biên, *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* của Nguyễn Lâm). Trong *Đại từ điển tiếng Việt*, nhóm Nguyễn Như Ý còn giải thích rõ hơn: **mạch dùng** là đường khe trong vách, chạy theo các thanh ken dọc ngang làm cốt cho vách.

Vậy, mạch dùng là những mạch ngầm trong vách, không hở, cho nên, người ở bên ngoài bức vách không thể nhìn thấy ở bên trong bức vách. Lời giải thích này rất khó chấp nhận.

2. Có những lời giải thích khó chấp nhận về cụm từ **“Tai vách mạch rừng”**

Có 5 bản ghi nhận câu **“Ở đây tai vách mạch rừng”**, nhưng giải thích rằng **“mạch rừng”** cũng chính là **“mạch dùng”** và cũng được hiểu theo hai cách như

trên, nghĩa là chữ **rừng** được gán cho một “nghĩa lạ” là **dừng**, mà **dừng** thì có hai cách hiểu:

a. Cụ Bùi Khánh Diễm gọi **rừng** là nan làm cốt để trát vách cho nên **mạch rừng** là những khe rỗng ngấm dọc theo các nan tre làm cốt vách. Có thể tin rằng, *Việt Nam từ điển* của Hội Khai trí Tiến đức là cuốn từ điển đầu tiên đã tiếp thu ý của cụ Cử nhân Hán học này.

b. Trong *Từ điển Truyện Kiều* có văn bản *Truyện Kiều* kèm theo, cụ Đào Duy Anh giải thích rằng, **mạch rừng** là khe hở của cái **dừng** hay cái **rừng**, một thứ vách làm bằng nứa đập bẹp. Ý này trùng với ý của hai cụ Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim trong cuốn *Truyện Kiều* do hai cụ hiệu khảo và xuất bản ở Hà Nội năm 1925. Phải chăng, ở ý này, cụ Bùi và cụ Trần đã thuyết phục được cụ Đào? Nhưng cụ Bùi và cụ Trần thì viết là “Ở đây tại vách **mạch dừng**”, còn cụ Đào thì vẫn viết “Ở đây tại vách **mạch rừng**”. Hẳn là phải có lý do “bất khả kháng”, sẽ nói rõ sau.

Tiếp theo văn bản *Truyện Kiều* in kèm theo *Từ điển Truyện Kiều*, ý này được truyền sang một văn bản khác, bản QN₍₁₅₎ cũng do cụ Đào Duy Anh khảo chú và các ông Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Công Hoan, Hoài Thanh, Tuấn Đỗ tham gia hiệu đính.

Có thể tin rằng, các nhà biên khảo Trần Nho Thìn, Nguyễn Tuấn Cường và dịch giả Nguyễn Văn Qua đã tiếp thu kiến giải của cụ Đào Duy Anh về câu “Ở đây tại vách **mạch rừng**”.

Việc gán cho danh từ **rừng** một “nghĩa lạ” là điều rất khó chấp nhận.

3. Tuy cùng khảo đính văn bản chữ Nôm của Kiều Oánh Mậu in năm 1902, nhưng nhóm Trần Nho Thìn-Nguyễn Tuấn Cường thì ghi nhận câu “Ở đây tại vách **mạch rừng**”, còn nhóm Nguyễn Thế-Phan Anh Dũng-Nguyễn Đình Thắng thì viết là “Ở đây tại vách **mạch dừng**”, mặc dầu theo cả hai nhóm thì “rừng” hay “dừng” cũng đều là bức vách bằng phen. Sự khác nhau này hẳn là không phát sinh từ bản chữ Nôm của cụ Kiều Oánh Mậu, mà là do ở chỗ, cùng một chữ 棱 (vốn là chữ Hán, có âm Hán-Việt là **lăng**, được dùng trong chữ Nôm để làm chữ “**rừng**”) nhưng nhóm Trần Nho Thìn-Nguyễn Tuấn Cường thì đọc là **rừng**, còn nhóm Nguyễn Thế-Phan Anh Dũng-Nguyễn Đình Thắng thì “đọc nhầm” (có lẽ là cố ý) thành “**dừng**” cho phù hợp với nhận thức của họ, vì những người này tin rằng, phải là “**tai vách mạch dừng**” thì mới hợp lý. Chứng cứ là, ở câu 1.580, chữ 棱 đã được nhóm này đọc là “**rừng**”, như chúng tôi đã viện dẫn ở đoạn trên.

猝縶憐女動棱吏催

1.580 Rút dây sợ nữa động **rừng** lại thôi.

Ở những chỗ khác, chữ 棱 đều được đọc là “rừng”, ví dụ:

棱楓秋布染牟閑山

1.520 **Rừng** phong thu đã nhuộm màu quan san

Hoặc, ở câu 1.926:

羨斯棱紫羨賒滯紅

Dường gần **rừng** tía đường xa bụi hồng

Riêng ở câu 1.755 thì chữ 棱 ấy đã được họ cố ý đọc là “dùng”:

於低聰壁脈棱

1.755 Ở đây tai vách mạch dùng.

Đây là một ví dụ cụ thể về sự can dự của yếu tố chủ quan (ở người khảo chứng) vào việc phiên âm chữ Nôm và khảo cứu văn bản.

C. Một số nhận xét đối với những kiến giải về cụm từ “*Tai vách mạch dùng*”

1. Theo ông Lê Văn Hòe, “dùng là những thanh tre dùng vào vách để trát vừa lên trên”. Các từ điển [4], [7], [8], [10], [11] giảng giải rằng, dùng cũng là dứng. Mạch dùng là “đường khe trong vách”. Ở cái dứng hay dùng ấy có rất nhiều ô trống ngang dọc liên tiếp nhau, mỗi ô có kích thước khoảng 15x15cm hoặc 15x20cm, cách nhau bởi các thanh tre ngang và dọc có bề rộng khoảng 3-5cm (xem hình minh họa ở phần trước, tr. 13). Khi trát vách xong thì các khoảng trống này cùng các thanh dùng đều được bịt kín hết. Lúc ấy, người ta chỉ nhìn thấy bức vách chứ không thể nhìn thấy các thanh dùng, dù chúng có bị nứt hay không. Vậy, không thể nói “Mạch dùng là dùng có mạch hở”.

2. Không thể không nói đến kiến giải của Nho sĩ Bùi Khánh Diễm và học giả Đào Duy Anh về câu “Ở đây tai vách mạch rùng”. Tuy các cụ vẫn viết “mạch rùng” nhưng khi cắt nghĩa thì “mạch rùng” của cụ Bùi Khánh Diễm giống như mạch dùng trong các từ điển [4], [7], [8], [10], [11]. Đương nhiên, cụ Bùi không hề biết các từ điển này, mà có lẽ chính từ điển của Hội Khai trí Tiến đức [4] đã chịu ảnh hưởng của cụ rồi sau đó truyền sang một số từ điển khác. Còn cụ Đào Duy Anh thì viết hẳn hoi rằng, cái “mạch rùng” ấy chính là “mạch dùng” (hoàn toàn đúng như mạch dùng của các cụ Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim). Cả cụ Bùi và cụ Đào đều tự mâu thuẫn với chính mình, nhất là cụ Đào Duy Anh, bởi vì khi cụ giải thích rằng Mạch rùng là khe hở của cái dùng hay cái rùng, một thứ vách làm bằng nửa đập bẹp, thì cụ đã gán cho danh từ rùng một “nghĩa lạ” vốn không hề tồn tại. Về sau, ông Phan Ngọc dường như muốn khắc phục mâu thuẫn đó nên đã đổi mục từ Mạch rùng trong từ điển của cụ Đào thành Mạch dùng và giải thích như sau: «Mạch dùng: Td. *Tai vách mạch dùng*, 1.755. Câu này nghĩa là cái vách có tai (bởi vì người ta có thể nghe qua bức vách), cái dùng có khe hở. Cái dùng, còn gọi cái dứng là cái phen làm bằng nửa đập bẹp. Dùng là đối với vách, chứ không phải là rùng rú». Nhưng ở văn bản *Truyện Kiều* kèm theo *Từ điển Truyện Kiều* thì câu 1.755 vẫn là “Ở đây tai vách mạch rùng”. Ông Phan Ngọc cũng cho thêm định nghĩa về danh từ rùng nhưng không dám bổ sung “nghĩa mới lạ” của rùng là dùng mà vẫn viết: Rùng: Nơi cây cối mọc rậm rạp. Cuối cùng vẫn không thể gỡ được mâu thuẫn của cụ Đào Duy Anh khi giải thích cụm từ “*Tai vách mạch rùng*”.

3. Trong 17 văn bản *Truyện Kiều* cho rằng câu 1.755 phải là “Ở đây tai vách mạch dùng” thì có 4 cách hiểu khác nhau. Các ý kiến của cụ Bùi Khánh Diễm và của cụ Đào Duy Anh thì tự mình mâu thuẫn với mình nên khó có sức thuyết phục. Nếu cho rằng, mạch dùng là đường khe trong vách (theo các từ điển [4], [7], [8], [10], [11], ông Nguyễn Văn Vĩnh và ông Lê Văn Hòe) thì cũng khó tin là vì thế mà chuyện bí mật trong nhà bị lọt ra ngoài qua những kẽ nứt của các thanh tre đã được bao bọc bằng đất sét.

Chỉ còn ý kiến của Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, Đồ Nam cư sĩ và Nguyễn Khắc Viện cho rằng dùng là bức vách bằng phen, và mạch dùng là những khe hở của tám phen là có vẻ hợp lý.

4. Hầu hết những người ghi nhận câu “*Ở đây tai vách mạch rừng*” (gồm cả những người cho rằng “*mạch rừng*” cũng chính là “*mạch rừng*”) đều giảng giải rằng, “*tai vách*” hay “*vách có tai*” nghĩa là vách có khe hở, có lỗ thủng hoặc quá mỏng nên người bên ngoài dễ nghe thấy, còn *mạch rừng* là khe hở ở tấm vách bằng phen hoặc là đường khe trong vách. Bởi thế, những chuyện riêng tư trong nhà bị lọt ra ngoài qua các lỗ thủng và các kẽ hở ấy và người ngoài nghe được một cách ngẫu nhiên, như từ điển [7] của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ đã giải thích: “***Tai vách, mạch rừng***: Kẻ vô tình nghe lỏm câu chuyện của mình rồi đi đồn đãi, mặc dầu mình chỉ nói với người thân trong nhà mà thôi, không khác gì tấm phen có tai có miệng vậy”.

Hiểu như thế là chưa đúng, mà chủ yếu là phải nghĩ đến sự để ý theo dõi của người ngoài.

5. Trong nhóm người tán thành cụm từ “*Tai vách mạch rừng*”, không thấy ai nêu rõ nghĩa của ngữ danh từ “*tai vách*”. May nhờ sự “phạm thượng” của ông Phan Ngọc khi ông này đưa hẳn từ *Mạch rừng* vào từ điển của cụ Đào Duy Anh, nhân đó người ta mới biết rằng: cái vách có tai (bởi vì người ta có thể nghe qua bức vách), nghĩa là bức vách thường mỏng hoặc có lỗ thủng.

Vậy, theo họ thì “*Tai vách mạch rừng*” nghĩa là tường hoặc vách đất mỏng, có lỗ thủng, vách bằng phen có nhiều khe hở nên tiếng nói lọt ra, người ngoài nghe được bí mật trong nhà người khác là điều hoàn toàn ngẫu nhiên.

6. Ông Lê Văn Hòe đã nói lên một ý rất hay mà J. F. M. Génibrel đã nói đến trong cuốn từ điển của mình từ lâu nhưng những người cùng ghi nhận cụm từ “*Tai vách mạch rừng*” (trừ ông Lê Văn Hòe) đều không nghĩ đến, đó là: **chỗ nào cũng có người nghe ngóng rình mò, dù nói năng ở chỗ vắng vẻ**. Nghĩa là, những chuyện riêng tư bí mật của từng cá nhân thường bị lộ ra ngoài vì ở đâu cũng có những người để ý theo dõi việc riêng của người khác chứ chủ yếu không phải là do vách mỏng, có lỗ thủng hoặc vách bằng phen có nhiều kẽ hở.

Về sau, trong bản QN₍₁₆₎ Nguyễn Thạch Giang chú thích ở câu 1.755: Tục ngữ “*Rừng có mạch, vách có tai*”, ý nói đâu cũng có thể có người nghe ngóng mà biết được cả, dù ở những chỗ vắng vẻ đến mấy. Tiếp theo, Bùi Hạnh Cẩn và Hồng Ý (trong bản QN₍₂₁₎), Nguyễn Quảng Tuân (ở bản N/QN₍₄₎), Trần Nho Thìn và Nguyễn Tuấn Cường (ở bản QN₍₂₆₎) cũng nêu lên ý đó.

7. Từ những điểm vừa trình bày, có thể đi đến kết luận: Những người tán thành “*Tai vách mạch rừng*” đều coi việc lộ bí mật riêng tư là điều ngẫu nhiên, do “khuyết điểm” của tường, của vách bằng phen chứ họ không nghĩ đến hiện tượng theo dõi lẫn nhau mà ở đâu cũng có.

Khi mà chỗ nào cũng có người nghe ngóng rình mò, thì dầu nói năng ở chỗ vắng vẻ hoặc trong phòng kín có tường tốt bao quanh cũng không thể thoát khỏi sự rình mò của kẻ có chủ ý theo dõi. Cách giải thích về các danh từ *dừng* và *mạch rừng* của Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim (và cả của Đào Duy Anh) tuy có lý nhưng không đúng với ý đề phòng sự rình mò.

IX. Câu 1.755 trong *Truyện Kiều* phải là “*Ở đây tai vách mạch rừng*”

Câu tục ngữ “*Rừng có mạch, vách có tai*” và thành ngữ “*Tai vách mạch rừng*” đã được nhiều cuốn từ điển tiếng Việt ghi nhận, như chúng tôi đã trình bày cụ thể

ở phần trước của bài viết, ở đây xin khởi nhắc lại. Phần này chỉ bàn về việc chú giải thành ngữ “*Tai vách mạch rừng*” trong các văn bản *Truyện Kiều*.

A. Việc chú giải thành ngữ “*Tai vách mạch rừng*” trong các văn bản *Truyện Kiều*

1. Các nhà khảo chú *Truyện Kiều* đầu tiên đã ghi nhận câu “Ở đây tai vách mạch rừng”

Câu này đã được ghi nhận trong văn bản *Truyện Kiều* đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ do học giả Trương Vĩnh Ký (1837-1898) khảo đính và xuất bản tại Sài Gòn năm 1875. Rồi một học giả nổi tiếng người Pháp là Abel des Micchels (1833-1910) cũng công bố *Truyện Kiều* bằng chữ Quốc ngữ kèm theo văn bản chữ Nôm và bản dịch sang tiếng Pháp tại Paris năm 1884-1885, trong đó ghi nhận câu 1.755 là “Ở đây tai vách mạch rừng”. Phải qua nhiều năm khảo cứu, dịch thuật và lo những thủ tục khác thì mới in được sách, bởi vậy, hai học giả này ắt phải đọc và khảo cứu *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm rất sớm, ngay từ khi *Truyện Kiều* mới được khắc in và được phổ biến, khi mà mọi người mới có dịp thưởng thức nhưng chưa có mấy người tham gia “cải biên” *Truyện Kiều*.

Các từ điển của Huỳnh Tịnh Của và của J. F. M. Génibrel (cuối thế kỷ 19), chỉ ghi nhận thành ngữ “*tai vách mạch rừng*”. Điều đó chứng tỏ rằng, lúc ấy, cụm từ “*tai vách mạch rừng*” chưa xuất hiện.

2. Đa số các nhà khảo chú *Truyện Kiều* đã ghi nhận câu “Ở đây tai vách mạch rừng” nhưng chưa có kiến giải rõ ràng và đủ sức thuyết phục

Trong số 54 văn bản *Truyện Kiều* mà chúng tôi đã sưu tầm được, có 37 văn bản ghi nhận câu 1.755 là “Ở đây tai vách mạch rừng”, trong đó, chữ “rừng” được hiểu theo đúng nghĩa của nó (rừng là vùng đất rộng có cây cối sống lâu năm). Điều đó chứng tỏ rằng, đa số người Việt Nam đều ghi nhận thành ngữ “*Tai vách mạch rừng*” một cách hồn nhiên vì nó đã tồn tại trong ngôn ngữ dân gian.

Câu “Ở đây tai vách mạch rừng” trong các văn bản *Truyện Kiều* đang lưu hành thường ít khi được chú thích, hoặc chỉ được chú thích rất ngắn, đại để như: Tục ngữ có câu “*Rừng có mạch, vách có tai*” mà thôi. Có thể nghĩ rằng, các nhà khảo chú và các dịch giả thuộc 37 văn bản ấy nhận thấy ở câu này không có điều gì khó hiểu, dường như ai cũng hiểu được ngay khi vừa nghe cho nên chẳng cần chú thích. Ba quyển từ điển ở thế kỷ 19 đã xác nhận điều đó.

Sau khi các học giả Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim sửa chữa câu 1.755 thành “Ở đây tai vách mạch rừng” với lời giải thích có vẻ hợp lý và được khá nhiều nhà biên khảo khác hưởng ứng, chỉ có ông Hồ Đắc Hàm (năm 1929) giải thích về “*mạch rừng*” để khẳng định câu “Ở đây tai vách mạch rừng” theo cách hiểu của mình. Từ đó đến nay, những người ghi nhận câu này vẫn không có một lời nào bảo vệ chủ kiến của mình bằng cách chứng minh có sức thuyết phục. Ông Nguyễn Quảng Tuân là người duy nhất nói lên “chủ kiến” của mình nhưng không có luận cứ bảo vệ. Tuy ông ghi nhận “Ở đây tai vách mạch rừng” nhưng vẫn không loại trừ “*mạch rừng*” và cho rằng, chữ 棱 có thể viết sang Quốc ngữ là “rừng” hoặc “rừng”. Nên nhớ rằng, cụ cử nhân Hán học Bùi Khánh Diễm và học giả Đào Duy Anh tuy rất tán thành câu “Ở đây tai vách mạch rừng” nhưng vẫn “không nỡ” đọc chữ 棱 là “rừng” mà vẫn đọc là “rừng”, bởi vì các cụ thông thạo chữ Nôm nên không thể đọc liều như thế.

B. “Ở đây tai vách mạch rừng” nghĩa là ở đây luôn luôn có kẻ theo dõi và dò xét

1. “Vách có tai” là một hiện tượng phổ biến trên thế giới

- Khi diễn giải câu thơ “Ở đây tai vách mạch rừng” trong *Truyện Kiều*, học giả Abel des Michels người Pháp nhắc đến mối quan hệ giữa câu này với câu ngạn ngữ “Rừng có mạch, vách có tai” và cho rằng, sự đồng nhất tuyệt đối giữa vế thứ hai của câu ngạn ngữ Việt Nam này (tức là vế “vách có tai”) với câu tục ngữ của người Pháp “*Les murs ont des oreilles*” (= Các bức tường đều có những cái tai) là điều rất đáng chú ý.

Từ điển *Petit Robert* đã giảng giải câu này: *on peut être surveillé, épié sans qu'on s'en doute* (= Chắc là đã bị giám sát, bị theo dõi rồi, chẳng phải nghi ngờ nữa).

Có tài liệu khác cho biết diễn biến của nó như sau. Câu này xuất hiện ở Pháp vào khoảng năm 1622, có dạng ban đầu là “*Les murailles ont des oreilles*” (*murailles* là những bức tường cao, dày và vững chắc; người Pháp gọi Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc là *La Grande Muraille*). Từ năm 1627, “*murailles*” được thay thế bằng “*parois*”, tức là “những bức vách mỏng” (bằng gỗ, bằng kim loại, bằng kính...) rồi từ khoảng năm 1690 về sau thì có dạng “*Les murs ont des oreilles*” như hiện nay (*murs* là những bức tường bao thông thường, không kiên cố lắm).

Sự thay đổi từ *murailles* sang *parois* rồi đến *murs* là một quá trình cân nhắc, “điều chỉnh” cho phù hợp với thực tế. *Murailles* thì cao và dày (như tường của nhà tù) nên rất khó, thậm chí không thể rình mò nghe ngóng từ bên ngoài. *Parois* thì quá mỏng, người bên ngoài rất dễ nghe hết mọi câu chuyện ở bên trong, nhưng người bên trong cũng tự biết điều đó để giữ kín những điều bí mật của mình, bởi vậy, chẳng ai cần phải khuyên răn nên việc đúc kết thành câu tục ngữ “*Les parois ont des oreilles*” trở thành dư thừa, vô vị. Phải thay *parois* bằng *murs* (những bức tường bao để che kín, không dày lắm), tuy cũng khó rình mò nhưng nếu có chủ tâm theo dõi thì vẫn nghe trộm được, trong khi người ở bên trong không hề biết. Như thế, câu tục ngữ mới thâm thúy và có giá trị.

- Giống như người Pháp, người Anh có câu tục ngữ “*Walls have ears*” (= Các bức tường đều có tai, Tường có tai), được diễn giải là: Be careful, you never know who might be eavesdropping (Hãy cẩn thận, bạn không bao giờ biết kẻ có thể rình mò). Còn có những câu khác mang nghĩa tương tự, như: *Doors have eyes* (= Các cánh cửa đều có mắt, Cửa có mắt).

- Người Nga cũng có câu “*стены имеют уши*” (hoặc diễn đạt theo cấu trúc ngữ pháp khác là *у стен есть уши*) hoàn toàn giống như câu “*Walls have ears*” trong tiếng Anh hoặc câu “*Les murs ont des oreilles*” trong tiếng Pháp, nghĩa là các bức tường đều có tai, hay vách có tai), được diễn giải là *здесь могут подслушивать* (= Ở đây người ta có thể nghe trộm).

- Từ điển *Hán - Việt* (Thương vụ ấn thư quán của Trung Quốc phát hành từ năm 1960, Nxb Giáo dục ở Hà Nội đã in lại nhiều lần) dịch thành ngữ “*Tai vách mạch rừng*” bằng những tục ngữ của Trung Quốc là “*Tường hữu phùng, bích hữu nhĩ*” (牆有縫, 壁有耳 = *Tường có mạch, vách có tai*), hoặc “*Bích trung hữu nhĩ*” 壁中有耳 = trong vách có tai). Sự thực thì ở đây người ta chỉ dịch mấy chữ “*vách có tai*”, còn “*rừng có mạch*” thì trong Hán ngữ không có câu nào tương đương nên đành bỏ

qua, không dịch. Vì “rừng có mạch” có vai trò bổ sung cho “vách có tai” nên chỉ dịch một vế như vậy cũng đủ. Như trên kia vừa nói, “*Tường hữu phùng, bích hữu nhĩ*” nghĩa là “*Ngoài tường có kẻ nghe trộm, điều bí mật dễ lộ ra ngoài*”.

Còn có thể kể thêm nhiều thí dụ ở các ngôn ngữ khác nữa nhưng xét thấy ngần này thí dụ cũng đã đủ để chứng tỏ rằng “*Vách có tai*” hay “*tai vách*” nghĩa là sự để ý theo dõi những bí mật riêng tư của người khác, là một hiện tượng phổ biến trên thế giới. Bởi vậy, có cơ sở để khẳng định rằng, trong thành ngữ “*Tai vách mạch rừng*”, các bậc tiền bối của chúng ta, và chính thi hào Nguyễn Du đã sử dụng từ “*tai vách*” với nghĩa như thế.

2. Trên thế giới cũng có những câu tục ngữ gần giống như “*Rừng có mạch*”

- Người Anh có câu: *Fields have eyes, and woods have ears* (= Các cánh đồng đều có mắt, và các khu rừng đều có tai). Lời giảng giải về câu ngạn ngữ này được tìm thấy ngay trên mạng Internet, đó là: *Even though you are outside in an apparently empty landscape, someone may be eavesdropping on you* (= Dẫu bạn ra khỏi nhà, ở một cảnh quan tưởng như trống vắng, vẫn có thể có kẻ đang nghe ngóng bạn). Như vậy, người Anh cũng như người Việt đều cho rằng, ở trong rừng hoang vắng, những việc riêng tư vẫn bị tiết lộ.

- Tương đồng với câu tục ngữ ấy của người Anh, người Pháp cũng có câu: *Le bois a des oreilles et le champ des yeux* (= Khu rừng có tai, cánh đồng có mắt).

- Cũng với ý như thế, người Nga lại diễn đạt cách khác: *Лес видит, а поле слышит*, nghĩa là *Khu rừng nhìn thấy, cánh đồng nghe thấy*, tương tự như *Khu rừng có mắt, cánh đồng có tai*.

3. “*Rừng có mạch*” và “*mạch rừng*” là sản phẩm riêng của tiếng Việt

- *Rừng có mạch* tương đương với *Woods have ears* hoặc *Le bois a des oreilles* (rừng có tai) có nghĩa là dù ở nơi rất vắng vẻ, mọi bí mật riêng tư vẫn có thể lộ ra ngoài. Tuy nhiên, *Rừng có mạch* mang một sắc thái khác, nói đến sự tiết lộ dần dần, mỗi lúc một ít.

- *Rừng có mạch* hay *mạch rừng* là một lối ẩn dụ, dùng nghĩa đen cụ thể để truyền đạt nghĩa bóng, rất dễ hiểu không chỉ đối với người Việt mà cả đối với người nước ngoài. Bởi vậy, những người Pháp như J. L. Taberd, J. F. M. Génibrel hay Abel des Michels đều hiểu các từ ngữ này rất rõ, rất đúng.

- *Tai vách* đi cùng với *mạch rừng* khiến chúng ta hình dung được cả một quá trình theo dõi lâu dài, kết hợp sự dòm ngó trực tiếp với sự dò hỏi, điều tra về sau để nắm được mọi điều thầm kín của kẻ bị theo dõi. Nếu thay từ *mạch rừng* bằng từ *mắt rừng* thì ý tứ trong câu 1.755 sẽ thay đổi, chỉ đơn thuần nói đến sự rình mò trực tiếp mà không để ý đến việc “khai thác thông tin”.

4. Cụm từ “*tai vách mạch rừng*” không thể lọt vào *Truyện Kiều*

a. Trong số 54 văn bản *Truyện Kiều* chỉ có 17 văn bản ghi nhận cụm từ “*tai vách mạch rừng*”, nhưng đã có 4 cách giải thích về danh từ *rừng*, do đó, cũng có 4 cách hiểu về *mạch rừng*. Chỉ có cách giải thích của Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim là có vẻ hợp lý mà thôi. Theo hai vị học giả này, *rừng* là cái vách làm bằng phen,

mạch dưng là kẻ hở giữa các thanh tre hoặc nứa ở tấm phen làm vách. Cho nên, người ta suy ra rằng, “*Tai vách mạch dưng*” nghĩa là sự hở hang của tường và phen vách khiến lời nói lọt ra ngoài. Một số nhà biên soạn từ điển tiếng Việt cũng có ý kiến như vậy. Ví dụ, theo từ điển [7] của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ thì ***Tai vách, mạch dưng*** = Kẻ vô tình nghe lỏm câu chuyện của mình rồi đi đồn đãi. Từ điển [10] của Nguyễn Như Ý thì ***Tai vách, mạch dưng*** = Dễ bị lộ, dễ bị lan truyền những điều bí mật khi trò chuyện, trao đổi với nhau.

Theo chuỗi diễn biến của các tình tiết trong *Truyện Kiều* thì cách hiểu như vậy là không thỏa đáng. Khi mục quản gia khuyên nhủ Thúy Kiều nên cẩn thận về lời nói và cử chỉ của mình khi nàng là một tù nhân vừa mới bị bắt đưa về tư thất nguy nga đồ sộ của quan Tể tướng họ Hoạn:

*Ngước trông tòa rộng dãy dài,
Thiên quan trủng tể có bài treo trên.
Ban ngày, sáp thắp hai bên,
Giữa giường thất bảo, ngồi trên một bà.
Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra,
Sự mình nàng phải cứ mà gửi thưa.*

Trong khu nhà lộng lẫy, tòa ngang dãy dọc nguy nga như cung điện ấy, chắc chắn là không ai nghĩ đến cảnh tượng “*tai vách mạch dưng*”, với nghĩa là tường thủng và phen hở khiến cho tiếng nói lọt ra ngoài, mà phải nghĩ đến một điều nghiêm trọng hơn nhiều: Thúy Kiều đang bị “*gạn gùng ngọn hỏi ngành tra*” thì chẳng thiếu gì những kẻ được sai khiến hoặc tò mò tự ý dò xét, theo dõi nàng từng li từng tí. Mục quản gia biết rằng, dù ở trong phòng kín đáo, chỉ có vài người cùng thân phận tôi đòi nhưng mọi cử chỉ và lời nói đều có người ở ngoài biết hết nên mới khuyên nhủ:

*Ở đây tai vách mạch rừng,
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chòm.*

b. Qua lời mục quản gia, Nguyễn Du muốn hé lộ cho độc giả biết rằng, người ta luôn luôn tìm cách nghe ngóng theo dõi nàng, kết hợp cả việc dò hỏi để biết rõ tâm tư và ý nghĩ của nàng. Thế rồi một hôm Hoạn Thư đánh tiếng là về thăm mẹ nhằm lừa Thúc Sinh và Thúy Kiều vào bẫy để chính vị chủ nhân đa mưu này có dịp trực tiếp rình nghe thật kỹ những lời “*gạn ruột*” cùng mọi nỗi niềm uất ức của hai người. Một hoa tỳ đã chứng kiến và kể lại:

*Hoa rằng: “Bà đến đã lâu,
Nhón chân đứng nép độ đầu nửa giờ.
Rành rành kẻ tóc chân tơ,
Mọi lời nghe hết đã dư tỏ tường.
Bao nhiêu đoạn khổ tình thương,
Nỗi ông vật vã, nỗi nàng thở than.
Ngăn tôi đứng lại một bên,
Chán tai rồi mới bước lên trên lầu”.*

Mọi lời, mọi ý, mọi tình tiết trong *Truyện Kiều* đều được tác giả cân nhắc, chọn lọc, thể hiện mối liên quan chặt chẽ với nhau, tạo thành một chuỗi sự kiện liên tục, cái trước là tiền đề của cái sau. Đó là điều rất cần thiết trong nghệ thuật kể chuyện.

5. Một số sai lầm dẫn đến sự thay thế “*tai vách mạch rừng*” bằng “*tai vách mạch dừng*”

- “*Rừng có mạch, vách có tai*” là một câu tục ngữ. “*Tai vách mạch rừng*” là một thành ngữ phái sinh từ câu tục ngữ kia. Đó không phải là những câu đối nên không đòi hỏi ở hai vế phải có những từ ngữ đối chọi với nhau. Mà ngay cả trong các đôi câu đối, không ai đòi hỏi các từ tương ứng ấy phải thuộc cùng một loại, hay cùng một nghĩa như *tường* thì mới đối được với *bích*, *dừng* thì mới đối được với *vách*, mà chỉ đòi hỏi các danh từ, động từ, tính từ, liên từ... ở cả hai vế đều tương ứng với nhau là đủ. Xưa nay, những câu đối hay nhất hầu như không bao giờ cần đáp ứng yêu cầu quá khắt khe và vô lý ấy. Xin nêu một số ví dụ về những câu đối nổi tiếng trong lịch sử:

* Sứ thần Đại Việt Giang Văn Minh đối đáp với Hoàng đế Sùng Trinh nhà Minh, 1638:

Sùng Trinh: *Đồng trụ chí kim đài dĩ lục* (Cột đồng đến nay rêu đã xanh)

Giang Văn Minh: *Đăng giang tự cổ huyết do hồng* (Sông Bạch Đằng từ xưa máu vẫn đỏ)

* Ngô Thì Nhậm đối đáp với Đặng Trần Thường tại Văn Miếu Hà Nội năm 1803:

Đặng Trần Thường: *Ai công hầu, ai khanh tướng, vòng trần ai, ai dễ biết ai*

Ngô Thì Nhậm: *Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế, thế thời phải thế*

* Năm 1850, Cao Bá Quát làm Giáo thụ ở phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây (nay là huyện Quốc Oai, thuộc Hà Nội). Trong nhà có một đôi câu đối bằng chữ Nôm nói về cảnh nhà giáo của ông:

Nhà trống ba gian, một thầy một cô một chó cái,

Học trò dăm đứa, nửa người nửa ngọm nửa đuôi uoi.

Ba đôi câu đối trên đây đã được lưu truyền trong sử sách và được truyền tụng trong dân gian, đều thuộc vào hàng những câu đối hay nhất. Nếu đòi hỏi phải có sự đối ứng từng li từng tí như *tường* với *bích*, *dừng* với *vách* thì tất cả các câu đối ấy đều không đạt, vì *Đăng giang* không cùng loại với *đồng trụ* (cột đồng), mà phải là *thiết thung* (cọc sắt) mới được; *Chiến Quốc* thì không tương ứng với *công hầu*, *học trò* không tương ứng với *nhà trống*, v.v... Nhưng nếu chỉ đòi hỏi danh từ đối ứng với danh từ, tính từ đối ứng với tính từ v.v., thì các đôi câu đối kia rất đạt yêu cầu về hình thức, còn nội dung thì đã quá hay. Mà câu đối thì phải như thế, không quá câu nệ từng chữ thì mới có điều kiện để lồng vào những ý tưởng, những triết lý sâu sắc.

- Ở các câu tục ngữ hay thành ngữ lại càng không nhất thiết phải có sự đối ứng theo từng cặp từ cùng loại như *vách* với *dừng*, *tường* với *bích*, nhưng vẫn có thể rất hay.

Ví dụ, ở câu tục ngữ “*Đi với bụi mặc áo cà sa, đi với ma thì mặc áo giấy*”, có hai vế đối ứng về nghĩa chứ không có sự đối ứng chặt chẽ giữa các từ ngữ của hai vế. Trong câu tục ngữ “*Lắm thầy rầy ma, lắm cha con khó lấy chồng*” cũng vậy. Quả thật, đó là những câu tục ngữ quá hay và không thể hay hơn được nữa.

- Dường như một số học giả nghĩ rằng, người Việt Nam đã tiếp thu câu tục ngữ “*Tường hữu phùng, bích hữu nhĩ*” của Trung Quốc nên họ chỉ ghi nhận các cụm từ “*tai vách mạch dừng*”, và họ đã quan trọng hóa sự đối ứng tỉ mỉ vụn vặt, cho rằng *rừng* không tương ứng với *vách*, nên câu 1.755 trong *Truyện Kiều* chỉ có thể là “*Ở đây tai vách mạch dừng*”. Nhưng nếu so với các câu đối nổi tiếng trong lịch sử mà chúng tôi vừa nhắc đến thì “*rừng có mạch*” và “*vách có tai*” là hai vế đối ứng với nhau quá đẹp, có hàm ý rộng hơn, sâu hơn hẳn so với cặp đối “*dừng có mạch*” và “*vách có tai*” vì cặp đối này chỉ là sự nhắc lại cùng một ý, cùng một nghĩa mà thôi. Bởi vậy, câu “*Rừng có mạch, vách có tai*” có giá trị hơn, hay hơn câu “*Tường hữu phùng, bích hữu nhĩ*”.

- Cũng vì quá coi trọng sự đối ứng giữa *tường* và *bích*, giữa *dừng* và *vách*, cho nên, một số học giả tin rằng, cha ông chúng ta đã chuyển câu “*Tường hữu phùng, bích hữu nhĩ*” sang tiếng Việt để có câu “*Dừng có mạch, vách có tai*” (với nghĩa là tường nứt, phen hở) nhưng họ không nhớ rằng câu tục ngữ bằng chữ Hán kia được người Trung Hoa cắt nghĩa là “*Tường ngoại hữu nhân thâm thính, bí mật dung dị tiết lậu*” 墙外有人偷听, 秘密容易泄漏, tức là “ngoài tường có kẻ nghe trộm, điều bí mật dễ lọt ra ngoài” chứ không có nghĩa là tường thủng và phen hở nên lọt tiếng nói ra ngoài như một số từ điển tiếng Việt và không ít nhà biên khảo *Truyện Kiều* đã giải thích.

X. Nguyễn Du viết: “*Ở đây tai vách mạch rừng*” hay “*Ở đây tai vách mạch dừng*” ?

Chúng tôi đã tốn khá nhiều thời giờ và giấy mực để trình bày những lý lẽ cho phép tin rằng, câu 1.755 trong *Truyện Kiều* phải là “*Ở đây tai vách mạch rừng*” mới hợp lý. Công việc ấy rất cần thiết nhưng chưa đủ để khẳng định rằng, Nguyễn Du đã viết câu ấy là “*Ở đây tai vách mạch rừng*”, bởi vì chúng ta không có quyền “tranh luận” với tác giả *Truyện Kiều*, mà chỉ có nhiệm vụ tìm đến những câu, những chữ mà Nguyễn Du đã viết. Bởi vậy, cần phải khảo sát các văn bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm, đặc biệt là chữ “*rừng*” trong các văn bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm thì mới xác định được chủ ý của Nguyễn Du ở câu 1.755.

Trước khi khảo sát các văn bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm, chúng tôi xin trình bày một số điều khái lược về chữ Nôm và cách thể hiện âm “*rừng*” trong chữ Nôm.

1. Khái lược về chữ Nôm và cách thể hiện âm “*rừng*” trong chữ Nôm

a. Khái lược về chữ Nôm

Trước khi sử dụng chữ Quốc ngữ dựa trên ký tự Latin như hiện nay (chủ yếu là sau khi bãi bỏ việc học và thi cử bằng chữ Hán, từ năm 1919), cha ông chúng ta đã sử dụng chữ Nôm để ghi lời nói của mình. Chữ Nôm là cách viết biểu ý, mượn âm Hán-Việt của chữ Hán để ghi âm tiếng Việt, chủ yếu là theo ba phương thức sau đây: 1. Mượn cả âm và nghĩa của chữ Hán; 2. Mượn âm của chữ Hán, không mượn nghĩa; 3. Tạo chữ ghép (thường có một bộ phận biểu âm và bộ phận chỉ nghĩa hoặc biểu ý).

Hãy lấy hai câu đầu tiên của *Truyện Kiều* làm ví dụ.

羣 辭 勸 揆 馭 些

Trăm năm trong cõi người ta,

才 命 窖 𠂔 𠂔

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Trong hai câu này, chữ *tài* 才 và chữ *mệnh* 命 vốn là từ Hán-Việt được du nhập từ Trung Quốc cho nên được mượn cả âm và nghĩa của chữ Hán. Chữ *tài* 些 (nghĩa là một ít) thì mượn âm (rất sát) của chữ Hán, không mượn nghĩa. Chữ *là* 𠂔 thì mượn chữ *la* 羅... (nghĩa là lưới đánh cá) để ghi âm nhưng lược bỏ nét cho dễ viết. Chữ *côi* 𠂔 thì mượn chữ *quy* 揆 (nghĩa là suy đoán), chữ *khéo* 𠂔 thì mượn chữ *diều* 窖 (nghĩa là hầm hố), chữ *nhau* 𠂔 thì mượn chữ *nhieu* 饒 (nghĩa là dồi dào, đầy đủ). Cả ba chữ này đều là những trường hợp mượn âm chữ Hán, không mượn nghĩa, nhưng vì trong chữ Hán không có những âm *côi*, *khéo*, *nhau* nên đành phải mượn những chữ có âm gần giống hơn cả, và người đọc phải đoán, tựa như khi chúng ta đọc chữ Quốc ngữ không có dấu. Các chữ *trăm*, *năm*, *trong*, *côi*, *người* là những chữ ghép. Ví dụ: chữ *trăm* 𠂔 gồm chữ *bách* 百 (nghĩa là một trăm, để chỉ nghĩa) đặt chồng lên chữ *lâm* 林 (nghĩa là rừng, để gọi âm); chữ *năm* 𠂔 gồm chữ *nam* 南 (nghĩa là phương nam, để gọi âm) và chữ *niên* 年 (nghĩa là năm, để chỉ nghĩa). Chữ *trong* 𠂔 gồm chữ *long* 龍 (nghĩa là con rồng thường viết là 龍, để gọi âm) và chữ *nội* 内 (nghĩa là bên trong, để chỉ nghĩa). Chữ *người* 𠂔 cũng được tạo nên theo phương thức tương tự như thế. Cũng có khi người ta phải sử dụng cách khác để tạo chữ Nôm, ví dụ chữ *trời* 𠂔 gồm chữ *thiên* 天 (nghĩa là trời) đặt chồng lên chữ *thượng* 上 (nghĩa là trên).

Với các cách tạo chữ Nôm như vậy thì rất khó có thể đạt được sự thống nhất trong cách viết và cách đọc. Điều đó đã xảy ra đối với nhiều chữ trong *Truyện Kiều*.

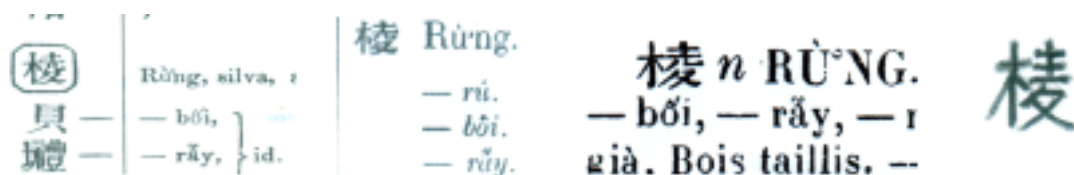
b. Việc thể hiện âm “rừng” trong chữ Nôm

Tổ tiên chúng ta đã mượn âm Hán Việt của chữ Hán để ghi âm tiếng Việt. Nhưng số lượng ngữ âm của chữ Hán (đọc theo âm Hán Việt) ít hơn rất nhiều so với ngữ âm của tiếng Việt. Ví dụ, trong chữ Hán không có các âm bắt đầu từ phụ âm P hay R v.v., cho nên chữ Paris (có âm đọc là Pa-Ri) thì phải ghi thành 巴黎 (Ba Li), và có âm Hán Việt là Ba Lê; Roma (đọc là Rô-Ma) thì phải ghi thành 羅馬 (Luo Ma) và có âm Hán Việt là La Mã v.v... Nghĩa là, khi muốn ghi một âm mở đầu bằng phụ âm R thì phải sử dụng những chữ Hán có âm mở đầu bằng phụ âm L. Điều này dường như đã trở thành một quy tắc. Các chữ Hán có âm Hán Việt bắt đầu bằng phụ âm L thì dùng để ghi âm các từ tiếng Việt mở đầu bằng các phụ âm L, R và cả phụ âm TR (ở những âm trước kia có phụ âm TL như các chữ *Trăm*, *Trai*, *Trắng* (mà theo *Từ điển Việt - Bồ - La* của Alexandre de Rhodes thì trước kia đọc là *Tlăm*, *Tlai*, *Tlắng*, v.v...)).

Tương tự như vậy, để ghi âm “rừng” trong tiếng Việt, phải sử dụng một trong những chữ Hán nào đó thuộc phụ âm L. Nếu tìm được một chữ Hán có âm là *lưng*, *lừng*, hay *lùng* thì đã là tốt nhất rồi, nhưng cũng không có. Vậy thì phải tìm một chữ nào đó có âm na ná như thế, ví dụ, các âm *lung*, *long*, *lăng*, v.v... Các chữ Hán có các âm như thế thì không ít, nhưng phải chọn chữ nào có bộ phận gợi ý cho thích hợp. Cuối cùng, các cụ ngày xưa đã chọn chữ *lăng* 陵 (nghĩa gốc là súc gỗ vuông có cạnh, có gờ, ta vẫn gặp trong các từ *lăng trụ*, *lăng kính*, khối *lục lăng*, v.v...). Trong chữ *lăng* 陵 này có chữ *mộc* 木 có tác dụng gợi ý khiến người ta nghĩ đến *rừng*. Còn hơn một chục chữ “*lăng*” khác thì không được sử dụng để ghi âm “*rừng*”, ví dụ như chữ *lăng* 菱 là củ ấu, hay chữ *lăng* 陵 là lăng mộ thì không thể mượn để viết chữ *rừng*. Đương nhiên, vì không có quy định nghiêm ngặt về cách

viết của từng con chữ nên vẫn có thể có người viết chữ *rừng* khác, nhưng các bậc túc Nho và các từ điển thì vẫn thường dùng chữ *lăng* 棱 (thuộc bộ *mộc* 木) để làm chữ “*rừng*” (nghĩa là rừng cây) trong tiếng Việt. Việc dùng chữ *lăng* 棱 để làm chữ “*rừng*” là một trường hợp mượn âm của chữ Hán nhưng không mượn nghĩa. Chữ *mộc* 木 (bộ phận bên trái của chữ *lăng* 棱) là yếu tố gợi ý. Tuy âm *lăng* và âm *rừng* khác nhau khá xa nhưng để ghi chữ *rừng* trong tiếng Việt thì chữ *lăng* 棱 vẫn là con chữ tốt nhất trong Hán ngữ.

Cần chú ý rằng, khi mượn một chữ Hán để làm chữ Nôm, người ta có thể lược bớt nét ở chữ Hán ấy, như chữ là 𠂔 đã lược bớt nét của chữ la 羅. Trong bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm của Kiều Oánh Mậu chữ *lăng* 棱 cũng được viết khác một chút (xem ảnh dưới). Khi sử dụng văn bản chữ Nôm này để làm thành bản N/QN₍₉₎ (đối chiếu Nôm-Quốc ngữ), nhóm Nguyễn Thế-Phan Anh Dũng-Nguyễn Đình Thắng đã chuyển chữ *lăng* giảm nét ấy trở lại dạng đủ nét là 棱.



Chữ RỪNG (từ trái →): trong các từ điển của J. L. Taberd, Huỳnh Tịnh Của, J. F. M. Génibrel và trong văn bản *Truyện Kiều* của Kiều Oánh Mậu, in năm 1902.

2. Câu 1.755 trong các văn bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm

a. Chữ *lăng* 棱 của Hán ngữ (vốn được mượn làm chữ *rừng*) bị đọc là *dùng*

Chúng ta không tìm được bản chép tay *Truyện Kiều* do Nguyễn Du để lại, cũng không có một bản in nào được khắc chữ khi nhà thơ còn sống. Hiện tại, bản *Liễu Văn Đường* in năm 1866 được coi là bản in cổ nhất nhưng cũng muộn non nửa thế kỷ sau khi Nguyễn Du qua đời nên hẳn là bản ấy cũng chỉ dựa theo một bản sao qua chép lại nào đó, không dựa theo bản của tác giả. Vì vậy, nhiều câu, nhiều chữ trong các bản in khác nhau đã sai lệch nhau, ắt là sai với bản gốc.

Ở câu 1.755 (và cả câu 1.580 mà chúng ta đã khảo sát và xác minh ở các mục trước của bài này) chữ cuối cùng được một số nhà biên khảo đọc là *rừng* nhưng một số khác lại đọc là *dùng*. Chúng tôi đã xem xét các văn bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm thì biết rằng, chữ ấy luôn luôn là chữ *lăng* 棱 trong Hán ngữ nhưng do cách hiểu câu thơ này ở mỗi người một khác nên cùng một chữ *lăng* 棱 ấy (vốn được mượn làm chữ *rừng*) nhưng có những người đọc là *dùng*. Ví dụ:

* Câu 1.755 ở bản N/QN₍₉₎. *Truyện Kiều*, bản 1902 (bản Kiều Oánh Mậu) của nhóm Nguyễn Thế-Phan Anh Dũng-Nguyễn Đình Thắng (Nxb Thuận Hóa, Huế, 2004) là:

於低聰壁脈棱

1.755 Ở đây tai vách mạch dùng

* Ở bản N/QN₍₁₁₎. *Truyện Kiều Nôm - Quốc ngữ đối chiếu*, TS Phan Tử Phùng biên soạn theo bản Liễu Văn Đường 1871 (Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2008) thì câu 1.755 là:



Trong hai cách đọc ấy, nhất định có một cách đọc sai ý của Nguyễn Du.

b. Ở các văn bản *Truyện Kiều*, chữ cuối cùng của câu 1.755 đều là chữ *lăng* 棱.

Chúng tôi đã khảo sát câu 1.755 qua 6 văn bản chữ Nôm quen thuộc nhất. Kết quả được ghi lại bằng ảnh chụp câu 1.755 ở 6 bản chữ Nôm ấy, như sau:

Số thứ tự	Tên các bản chữ Nôm	Câu 1.755 ở 6 bản chữ Nôm
1	Bản Liễu Văn Đường, 1866	於 低 聰 壁 脈 棱
2	Bản Kinh đời Tự Đức, 1870	於 低 聰 壁 脈 棱
3	Bản Liễu Văn Đường, 1871	於 低 聰 壁 脈 棱
4	Bản Duy Minh Thị, 1872	於 低 聰 壁 脈 棱
5	Bản Thịnh Mỹ Đường, 1879	於 低 聰 壁 脈 棱
6	Bản Kiều Oánh Mậu, 1902	於 低 聰 壁 脈 棱

Chú ý: Chữ “*dùng*” ở bản Kiều Oánh Mậu là chữ *lăng* 棱 được giản hóa chút ít.

c. Đọc văn bản *Truyện Kiều* của Kiều Oánh Mậu, 9 lần gặp chữ *lăng* 棱.

Trong *Truyện Kiều*, theo các văn bản phổ biến nhất thì chữ “*rùng*” xuất hiện 9 lần ở 9 câu thơ. Chúng tôi mượn bản N/QN⁽⁹⁾ *Truyện Kiều* (bản Kiều Oánh Mậu, 1902) do nhóm Nguyễn Thế-Phan Anh Dũng-Nguyễn Đình Thắng khảo chú và chế tác bản Nôm để quý vị độc giả thấy rõ chữ RỪNG mà Nguyễn Du đã viết trong *Truyện Kiều*.

- Câu 917: 棱秋癘碧癘紅
Rùng thu rô biếc ô hồng
- Câu 1.091: 鷓鴣鏹嘖術棱
Chim hôm thoi thót về rùng
- Câu 1.128: 躑躅躑躅高駭雄
Dậm rùng bước thấp bước cao hải hùng
- Câu 1.520: 棱楓秋色染牟關山
Rùng phong thu đã nhuộm màu quan san
- Câu 1.580: 捫絳憚女動棱吏催
Rút dây sợ nữ động rùng lại thôi
- Câu 1.755: 於低聰壁脈棱
Ở đây tại vách mạch dùng (!)
- Câu 1.926: 羨斯棱紫羨賒滯紅
Đường gần rùng tía đường xa bụi hồng
- Câu 2.995: 自番隻萼離棱
Từ phen chiếc lá lìa rùng

Câu 3.006: 塊棱萃布細璘伏堂
Khỏi rừng lau đã tới sân Phật đường

d. Trong các văn bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm, chữ *lăng* 棱 luôn luôn được mượn để làm chữ *rừng* trong tiếng Việt

Các quyển từ điển từ thế kỷ 19 cũng như các quyển từ điển chữ Nôm hiện nay đều ghi nhận rằng, chữ *lăng* 棱 trong Hán ngữ đã được mượn để làm chữ *rừng* trong tiếng Việt. Trong mọi văn bản chữ Nôm của *Truyện Kiều*, chữ “*rừng*” luôn luôn được viết bằng chữ *lăng* 棱 của Hán ngữ. Chúng tôi đã khảo sát chữ *rừng* trong 10 văn bản đối chiếu Nôm-Quốc ngữ. Kết quả cho thấy rằng, tất cả các chữ *rừng* đều hoàn toàn mượn chữ *lăng* 棱 của Hán ngữ. Cụ thể như sau:

- Bản Liễu Văn Đường, 1866 (là bản cổ nhất hiện có). Bản này bị mất 18 tờ, tức là mất 36 trang nên không tìm thấy 5 câu có chữ *rừng* (917, 1.580, 1.926, 2.995, 3.006). Tất cả 4 chữ *rừng* còn lại (ở các câu: 1.091, 1.128, 1.520, 1.755) đều được viết bằng chữ *lăng* 棱.

- Bản Kinh đời Tự Đức, 1870. Ở bản này, câu 917 ghi là “*Lầu thu từng biếc chen hồng*” nên còn 8 câu có chữ *rừng*. Tất cả 8 chữ *rừng* ấy đều được viết bằng chữ *lăng* 棱.

- Bản Liễu Văn Đường, 1871, đã được TS Phan Tử Phùng soạn thành bản *Truyện Kiều Nôm-Quốc ngữ đối chiếu*. Ở bản này, câu 3.006 ghi là “*Khỏi trắng sao đã tới sân Phật đường*” (TS Phan Tử Phùng phiên âm là “*Khỏi trắng lao...*”) nên chỉ còn 8 câu có chữ *rừng*. Tất cả 8 chữ *rừng* ấy đều được viết bằng chữ *lăng* 棱.

- Bản Duy Minh Thị, 1872. Tất cả 9 chữ *rừng* đều được viết bằng chữ *lăng* 棱.

- Bản Thịnh Mỹ Đường, 1879. Tất cả 9 chữ *rừng* đều được viết bằng chữ *lăng* 棱.

- Bản Kiều Oánh Mậu, 1902. Nguyễn Thế-Phan Anh Dũng-Nguyễn Đình Thăng khảo chú và chế tác chữ Nôm (in theo hàng ngang, và chúng tôi đã mượn để trích dẫn 9 câu có chữ *rừng* ở trên). Trong bản chữ Nôm do cụ Kiều Oánh Mậu khảo đính, chữ *rừng* được viết bằng chữ *lăng* giản hóa một chút (như đã minh họa ở trang trước), và nhóm biên khảo đã chuyển lại thành chữ *lăng* 棱 bình thường. Tất cả 9 chữ *rừng* đều được viết bằng chữ *lăng* 棱 giản nét.

Chỉ có điều cần bàn là ở câu 1.755, đáng lẽ *lăng* 棱 phải được đọc là *rừng* nhưng nhóm biên khảo đã cố ý đọc là *dùng*.

- Bản Chiêm Vân Thị, 1905 (*Thúy Kiều truyện tường chú*, Chiêm Vân Thị chú đính, Lê Mạnh Liêu phiên âm). Bản này đã được đưa lên mạng Internet. Tất cả 9 chữ *rừng* đều được viết bằng chữ *lăng* 棱.

- Bản Vũ Văn Kính, 2001. Tất cả 9 chữ *rừng* đều được viết bằng chữ *lăng* 棱.

- *Truyện Kiều tập chú*, Trần Văn Chánh-Trần Phước Thiện-Phạm Văn Hòa biên soạn (đã được đưa lên mạng Internet). Tất cả 9 chữ *rừng* đều được viết bằng chữ *lăng* 棱.

- *Truyện Kiều*. Bản UNESCO, Quốc ngữ-Nôm đối chiếu. Tất cả 9 chữ *rừng* đều được viết bằng chữ *lăng* 棱.

Tóm lại, trong các văn bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm, tất cả các chữ *rừng* đều được viết bằng chữ *lăng* 棱 trong Hán ngữ, không trừ một trường hợp nào.

3. Chữ “*dừng*” trong các văn bản bằng chữ Nôm

Để có thể tán thành hay bác bỏ ý kiến cho rằng chữ *lăng* 棱 trong Hán ngữ không bao giờ được mượn làm chữ *dừng* trong *Truyện Kiều*, cần phải biết một điều quan trọng là, trong các văn bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm, chữ “*dừng*” được viết như thế nào.

a. Chữ “*dừng*” trong 3 quyển từ điển tiếng Việt ở thế kỷ 19

Các cuốn từ điển tiếng Việt biên soạn từ thế kỷ 19 như *Dictionarium Anamitico - Latinum* của J. L. Taberd, *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của và *Dictionnaire Annamite - Français* của J. F. M. Génibrel đều cho biết rằng, chữ *đình* 停 trong Hán ngữ (nghĩa là dừng lại) được mượn để làm chữ *dừng* trong tiếng Việt (nghĩa là thôi, không tiếp tục nữa). Theo cuốn từ điển của Taberd thì chữ *dừng* ở bức *dừng phen* (là tấm phen để ngăn mưa, gió) cũng được viết bằng chữ *đình* 停. Chữ *đình* 停 còn được mượn để viết các chữ khác như *dành*, *dành*, *dừng*.

Trong *Truyện Kiều*, chữ *dừng* xuất hiện 4 lần ở các câu 316, 404, 921 và 1.805. Chúng ta hãy xem xét các chữ *dừng* trong các văn bản *Truyện Kiều* của Kiều Oánh Mậu, 1902 (qua bản in N/QN₍₉₎ đối chiếu Nôm-Quốc ngữ của nhóm Nguyễn Thế-Phan Anh Dũng-Nguyễn Đình Thắng) và văn bản *Kim Vân Kiều tân truyện* của nhà in Liễu Văn Đường, 1871 (qua bản N/QN₍₁₁₎. *Truyện Kiều Nôm-Quốc ngữ đối chiếu*, TS Phan Tử Phùng biên soạn).

Câu	Bản N/QN ₍₉₎	Bản N/QN ₍₁₁₎
316	佇蹠咩咩念西噲罍 Dừng chân gạn chút niềm tây gọi là	佇蹠咩咩念西噲罍 Dừng chân gạn chút niềm tây gọi là.
404	曠遠佇筆草毚罍勾 Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu	曠遠佇筆討毚罍勾 Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu.
921	車珠佇輞轆外 Xe châu dừng bánh cửa ngoài	車珠停輞轆外 Xe châu dừng bánh cửa ngoài.
1805	跣罍沒跣沒罍 Bước ra một bước một dừng	跣罍沒罍罍罍 Bước ra một bước một dừng.

Tiếp tục khảo sát chữ “*dừng*” trong các văn bản khác của *Truyện Kiều*, chúng ta có bảng tổng hợp dưới đây:

Chữ “*dừng*” trong các văn bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm

STT	Tên văn bản chữ Nôm	Dạng chữ “ <i>dừng</i> ” ở các câu			
		316	404	921	1.805
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Bản Liễu Văn Đường, 1866	Mất	Mất	Mất	罍
2	Bản Kinh đời Tự Đức, 1870	停	停	佇	罍
3	Bản Liễu Văn Đường, 1871	佇	停	停	罍
4	Bản Duy Minh Thị, 1872	亭	停	停	罍

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	Bản Thịnh Mỹ Đường, 1879	仃	停	停	𠂔
6	Bản Kiều Oánh Mậu, 1902	仃	仃	仃	𠂔
7	Bản Chiêm Vân Thị, 1905	停	停	停	𠂔
8	Bản Vũ Văn Kính, 2001	亭	停	停	𠂔
9	Truyện Kiều tập chú, 2008	仃	停	停	𠂔
10	Bản UNESCO, 2013	停	停	停	停

Trong 10 văn bản *Truyện Kiều* này, chữ *dừng* có 6 dạng khác nhau:

*** Ba dạng chữ *dừng* mượn từ các chữ Hán:**

- Chữ *đình* 停 nghĩa là *dừng lại*. Mượn cả âm cả nghĩa của chữ Hán.
- Chữ *đình* 亭 nghĩa là *ngôi đình*. Chỉ mượn âm của chữ Hán, không mượn nghĩa.
- Chữ *đình* 仃 nghĩa là *một mình*: Chỉ mượn âm, không mượn nghĩa.

*** Ba dạng chữ *dừng* được tạo ra bằng cách ghép các chữ Hán: 𠂔, 𠂔, 𠂔**

- 𠂔, gồm chữ *túc* 足 (nghĩa là *chân*) gợi ý, và chữ *dựng* 孕 (nghĩa là *có thai*) gợi âm.

- 𠂔, gồm chữ *lập* 立 (nghĩa là *đứng*) gợi ý, và chữ *dựng* 孕 (nghĩa là *có thai*) gợi âm.

- Dạng cuối cùng của chữ *dừng* 𠂔 (ở câu 1.805 trong bản Chiêm Vân Thị) gồm chữ *đình* 停 nghĩa là *dừng lại* (vừa gợi ý vừa gợi âm) chồng lên chữ *chỉ* 止 nghĩa là *dừng lại* (gợi ý).

Cả ba dạng chữ *dừng* này không có trong chữ Hán nên người đọc biết ngay là chữ Nôm, và cấu tạo của chúng đều có cơ sở ngữ âm và ngữ nghĩa, do đó, dễ suy ra cách đọc theo tiếng Việt. Trong khi đó, chữ *lăng* 棱 mà đọc thành *dừng* thì chỉ là một sự cố ý, rất gượng ép.

4. Câu 1.755 trong *Truyện Kiều* phải là “Ở đây tai vách mạch rừng”

Sau khi khảo sát chữ *rừng* và chữ *dừng* trong các văn bản *Truyện Kiều*, chúng ta nhận thấy một số điều sau đây:

a. Tất cả 6 dạng chữ *dừng* trên đây đã được phát hiện từ 10 văn bản chữ Nôm đáng chú ý nhất, trong đó có 5 bản in xưa nhất từ thế kỷ 19 từng là chỗ dựa cho các bản in về sau, và 5 bản khảo đính nghiêm túc. Có thể tin rằng đó cũng là 6 dạng của chữ *dừng* trong tất cả các văn bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm từ trước đến nay. Trong 6 dạng ấy không có chữ *lăng* 棱 của Hán ngữ.

b. Tất cả 6 dạng của chữ *dừng* đều được lựa chọn hoặc có cấu tạo hợp lý, dễ hiểu.

c. Trong tất cả các dạng chữ được dùng làm chữ *dừng*, không hề có chữ *lăng* 棱. Hơn nữa, không ai có thể lý giải được khả năng mượn chữ *lăng* 棱 để làm chữ *dừng*.

d. Trong 10 văn bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm ấy, chữ *lăng* 棱 xuất hiện 83 lần thì có 82 lần đã được các nhà biên khảo đọc là *rừng*. Cuối câu 1.755 ở 10 văn

bản *Truyện Kiều* ấy cũng có 10 chữ *lăng* 棱, thì có 9 bản được đọc là *rừng*, rất thích hợp với ngữ cảnh và không thể thay thế bằng cách đọc khác, thế mà chỉ riêng bản N/QN⁽⁹⁾ của nhóm Nguyễn Thế-Phan Anh Dũng-Nguyễn Đình Thăng đọc là *dừng*. Vậy, chắc chắn là nhóm này đã đọc sai.

e. Chính vì chữ cuối cùng trong câu 1.755 là *lăng* 棱 của Hán ngữ được mượn làm chữ *rừng* trong tiếng Việt nên các cụ Bùi Khánh Diễm và Đào Duy Anh phải đọc câu ấy là “*Ở đây tai vách mạch rừng*” rồi giải thích rằng “*rừng* nghĩa là *dừng*”, mặc dầu chữ “*rừng*” không hề có nghĩa ấy.

Những luận cứ này là cơ sở chắc chắn cho phép khẳng định rằng, trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã viết câu 1.755 là “*Ở đây tai vách mạch rừng*” chứ không phải là “*Ở đây tai vách mạch dừng*”

XI. Thành ngữ “*Tai vách mạch rừng*” biến thành “*Tai vách mạch dừng*” từ khi nào?

1. Trước thế kỷ 20 chưa xuất hiện cụm từ “*tai vách mạch dừng*”

Câu tục ngữ “*Rừng có mạch, vách có tai*” và thành ngữ “*Tai vách mạch rừng*” đã được ghi nhận trong các quyển từ điển tiếng Việt ở thế kỷ 19, của các tác giả J. L. Taberd (1794-1840), Huỳnh Tịnh Paulus Của (1834-1907) và J. F. M. Génibrel, như chúng tôi đã trình bày ở phần V (Xem tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 1 (118). 2015, trang 9).

Ở văn bản *Truyện Kiều* đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ, in ở Sài Gòn năm 1875, học giả Trương Vĩnh Ký (1837-1898) đã ghi nhận câu 1.755 là “*Ở đây tai vách mạch rừng*”. Tiếp theo, cuốn *Kim Vân Kiều tân truyện* do học giả người Pháp là Abel des Michels (1833-1910), Giáo sư Trường Sinh ngữ Đông phương xuất bản ở Paris năm 1884-85 bằng chữ Quốc ngữ (kèm theo văn bản bằng chữ Nôm và bản dịch sang tiếng Pháp) cũng ghi nhận câu “*Ở đây tai vách mạch rừng*”.

Qua việc khảo sát cách viết chữ *rừng* và chữ *dừng* trong các văn bản chữ Nôm, chúng ta đã khẳng định được rằng, câu 1.755 trong *Truyện Kiều* phải là “*Ở đây tai vách mạch rừng*”.

Từ xa xưa, trong ca dao Việt Nam vẫn có câu:

*Rừng có mạch, vách có tai,
Người trong chưa tỏ, người ngoài đã hay.*

Trong truyện thơ khuyết danh *Nhị độ mai*, thành ngữ này đã được sử dụng ở câu 2.139/2.140:

*Chữ e tai vách mạch rừng,
Làm cho kín mít như bưng mới là.*

Khi mà câu tục ngữ “*Rừng có mạch, vách có tai*” và thành ngữ phái sinh của nó là “*Tai vách mạch rừng*” đã tồn tại, đã được khẳng định và được vận dụng trong văn chương, với ý nghĩa thâm thúy đúc kết một kinh nghiệm sâu sắc trong cõi nhân gian thì không có lý do gì khiến sinh ra một câu tục ngữ khác là “*Dừng có mạch, vách có tai*” để nhắc nhở một điều hiển nhiên là “khi tường có lỗ thủng và phen có nhiều kẽ hở nên mọi chuyện bí mật trong nhà dễ bị người ngoài nghe biết”.

Từ khi *Truyện Kiều* ra đời (có lẽ là từ cuối thế kỷ 18) cho đến hết thế kỷ 19, câu thơ 1.755 của nó đã được người đời đọc đúng và chép đúng (bằng chữ Nôm).

Tuy nhiên, thành ngữ “*Tai vách mạch rừng*” trong đó được đúc kết từ kinh nghiệm nhiều đời (rất có thể tiếp thu từ ngôn ngữ Trung Hoa) có ý nghĩa sâu xa nên nó không thuộc loại dễ hiểu ngay, bởi vậy, tuy người ta đọc đúng và chép đúng nhưng nhiều người chưa chắc đã hiểu đúng.

2. Nguyên do và thời gian ra đời của cụm từ “*tai vách mạch rừng*” ?

Người Trung Hoa có câu “*Tường hữu phòng, bích hữu nhĩ*”, nghĩa là “*Tường thì có mạch vữa, vách thì có tai*”. Người Việt Nam thì nói: “*Rừng có mạch, vách có tai*”. Một số nhà Nho nhận thấy rằng, “*vách có tai*” là lời dịch rất sát với “*bích hữu nhĩ*” nhưng “*Rừng có mạch*” thì không sát với “*Tường hữu phòng*”. Nếu thay “*Rừng có mạch*” bằng “*Dùng có mạch*” thì coi như giải quyết hoàn toàn sự “trật khớp” ấy, bởi vì, bên kia thì có *tường* ứng với *bích*, bên này thì có *dùng* (là tấm phên để ngăn che giữa các phòng) ứng với *vách* (loại tường xây mỏng hoặc bằng đất nhào với rơm, hay những tấm ván v.v... để ngăn che). PGS Phan Ngọc đã cho biết ý đó.

Trong *Từ điển Truyện Kiều* của Đào Duy Anh (Tái bản lần thứ nhất, Phan Ngọc sửa chữa và bổ sung, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1989), PGS Phan Ngọc đã thay từ **Mạch rừng** của cụ Đào Duy Anh bằng từ **Mạch dùng** và giải thích theo lý lẽ của mình:

«**Mạch dùng**: Td. *Tai vách mạch dùng*, 1.755. Câu này nghĩa là cái vách có tai (bởi vì người ta có thể nghe qua bức vách), cái *dùng* có khe hở. Cái *dùng*, còn gọi cái *dứng* là cái phên (Tab, Gén) làm bằng nứa đập bẹp. *Dùng* là đối với *vách*, chứ không phải là *rừng* rú» .

Những người đầu tiên xem xét lại chữ “*rừng*” của Nguyễn Du ở câu 1.755 là cụ Kiều Oánh Mậu (1854-1912, quê ở huyện Phúc Thọ, nay thuộc Hà Nội) và cụ Bùi Khánh Diễm (?-1911, quê ở phường Hà Khẩu, phía bắc hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội) nhưng cụ Kiều Oánh Mậu có ảnh hưởng nhiều hơn. Cả hai cụ đều đậu Cử nhân năm 1879 (sau đó, năm 1880, cụ Kiều Oánh Mậu còn đậu Phó bảng) và đều có lần làm chủ bút tờ *Đồng văn nhật báo* bằng chữ Hán. Hai cụ đều giữ nguyên chữ *rừng* của Nguyễn Du (viết bằng chữ *lăng* 楞 của Hán ngữ) và cụ Bùi Khánh Diễm vẫn đọc là *rừng*, nhưng họ đã giải thích rằng, *rừng* tức là *dùng*, là tấm phên để làm vách (theo Kiều Oánh Mậu) hoặc là cốt bằng tre để trát vách (theo Bùi Khánh Diễm).

Sang đầu thế kỷ 20, chữ Quốc ngữ dần dần thay thế chữ Nôm. *Truyện Kiều* được in bằng chữ Quốc ngữ thì chữ cuối cùng của câu 1.755 trong văn bản chữ Nôm (luôn luôn được viết bằng chữ *lăng* 楞 của Hán ngữ để làm chữ *rừng* trong tiếng Việt) đã bị đọc sai thành *dùng* rồi từ đó, nhiều người cứ yên tâm như thế, vì không ai còn thấy bóng dáng chữ Nôm của nó nữa.

Cụm từ “*tai vách mạch dùng*” chỉ mới xuất hiện từ đầu thế kỷ 20 và được các học giả nổi tiếng là Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim đưa vào cuốn *Truyện Kiều* do hai ông hiệu khảo và được Vĩnh Hưng Long thư quán xuất bản lần đầu tiên tại Hà Nội năm 1925. Từ đó trở đi, câu “*Dùng có mạch, vách có tai*” và cụm từ “*tai vách mạch dùng*” có chỗ dựa để được đưa vào một số quyển từ điển tiếng Việt, trước hết là *Việt Nam tự điển* của Hội Khai trí Tiến đức xuất bản năm 1931 tại Hà Nội, tiếp theo là các cuốn từ điển của Văn Tân, của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, của Nguyễn Như Ý, của Nguyễn Lân. Thậm chí, từ điển của Hội Khai trí Tiến đức còn muốn

thay câu tục ngữ “*Rút dây động rừng*” bằng câu “*Rút dây động dưng*” và nhà giáo Nguyễn Lân hoàn toàn ủng hộ ý kiến này. Người ta đã cố gắng giải thích tính hợp lý của cụm từ “tai vách mạch dưng” nhưng mọi cách biện bạch đều mù mờ và lúng túng. *Từ điển Truyện Kiều* của Đào Duy Anh cũng không nỡ vứt bỏ chữ “*rừng*” của Nguyễn Du để thay bằng chữ “*dưng*” như các cụ Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim đã làm, nhưng thấy ý kiến của cụ Kiều Oánh Mậu “rất có lý” nên đành phải giải thích rằng “*rừng*” cũng là “*dưng*” một cách gượng ép.

XII. Kết luận

Chúng tôi đã hoàn thành việc khảo luận các thành ngữ “*Rút dây động rừng*” và “*Tai vách mạch rừng*”, mong tìm đến văn bản chính xác của câu 1.580 và câu 1.755 trong *Truyện Kiều*, và đã đi đến hai kết luận:

1. Câu 1.580 trong *Truyện Kiều* phải là “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*”

Do ảnh hưởng của các nhà khảo chú *Truyện Kiều*, đặc biệt là các học giả Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim, cuốn *Việt Nam từ điển* (in năm 1931) của Hội Khai trí Tiến đức (trong đó có ông Phạm Quỳnh) cũng theo đà ấy mà ghi nhận cụm từ “*Rút dây động dưng*” để thay cho thành ngữ “*Rút dây động rừng*”. Cuối thế kỷ vừa qua, nhà biên soạn từ điển Nguyễn Lân cũng lớn tiếng khẳng định đòi “đính chính” thành ngữ “*Rút dây động rừng*” bằng cụm từ “*Rút dây động dưng*” nhưng đại đa số các nhà khảo chú *Truyện Kiều* đều thờ ơ với ý kiến đó, chỉ có ông Phạm Đan Quế tiếp thu mà thôi. Ảnh hưởng tai hại của ý kiến đó đối với văn bản *Truyện Kiều* chưa lớn lắm nhưng chắc chắn là nó rất có hại đối với những người đã tin vào từ điển của Nguyễn Lân.

Việc khẳng định lại văn bản của câu “*Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi*” trong *Truyện Kiều* vẫn là điều cần thiết, vì ý kiến sai trái đòi sửa đổi nó đã được đưa vào *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* của Nguyễn Lân rồi được in lại nhiều lần (nhất là cuốn *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam*) mà không thấy ai để ý và lên tiếng phản bác.

2. Câu 1.755 trong *Truyện Kiều* phải là “*Ở đây tai vách mạch rừng*”

Đây là một câu rất hay, chính vì thế nên đã được nhiều người chú ý xem xét, mổ xẻ. Tiếc thay, vì có thiên kiến về một phía nào đó nên càng mổ xẻ càng sai lệch, đi đến chỗ cải biến nó thành câu “*Ở đây tai vách mạch dưng*”, vừa hời hợt, vừa không đúng, mà tai hại nhất là sai ý, sai lời của đại thi hào Nguyễn Du.

Sai lầm này gắn liền với tên tuổi của những bậc thầy nghiêm túc, có uy tín trong giới học thuật, có ý thức tìm đến nguyên tác của *Truyện Kiều* (bắt đầu từ các nhà Nho có tên tuổi như Bùi Khánh Diễm, Kiều Oánh Mậu, đến các học giả tân học như Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Khắc Viện, Đào Duy Anh), được nhiều văn nhân nghệ sĩ hưởng ứng như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Công Hoan, Hoài Thanh, Tuấn Đỗ (tức thi sĩ nổi tiếng Đoàn Phú Tứ) truyền bá, nên được rất nhiều độc giả tin theo. Tuy vẫn có nhiều nhà khảo chú *Truyện Kiều* không ghi nhận câu “*Ở đây tai vách mạch dưng*” nhưng chưa có ai lên tiếng bảo vệ ý kiến của mình, để cho tình trạng đúng sai lẫn lộn song hành trong ngót 100 năm qua.

Sai lầm này còn đi vào rất nhiều cuốn từ điển như *Việt Nam từ điển* của Hội Khai trí Tiến đức, *Việt Nam từ điển* của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, *Từ điển tiếng*

Việt do Văn Tân chủ biên, *Từ điển tục ngữ, thành ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* của Nguyễn Lâm, *Đại từ điển tiếng Việt* do Nguyễn Như Ý chủ biên, *Từ điển Truyện Kiều* của Đào Duy Anh.

Người viết bài này rất mong được quý vị độc giả góp ý chân thành và thẳng thắn nhằm tìm đến cái hay, cái đúng của *Truyện Kiều*, để nhân dịp này có thể xác định dứt khoát một chữ “*rừng*” thay cho chữ “*dùng*” ở một câu thơ rất hay trong *Truyện Kiều* mà lâu nay vẫn còn bị nhiều người đọc sai, hiểu sai, và cũng để loại trừ một cái sai không nhỏ trong nhiều cuốn từ điển tiếng Việt.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị độc giả.

L M C

DANH MỤC 54 VĂN BẢN TRUYỆN KIỀU ĐÃ ĐƯỢC SỬU TÂM

1) Nhóm 1: 28 bản Quốc ngữ

- QN⁽¹⁾. *Poème KIM VÂN KIỀU truyện*, Transcrit pour la première fois en Quốc ngữ par P. J. B. Trương Vĩnh Ký, Saigon, Bản in nhà nước, 1875.
- QN⁽²⁾. *Kim Túy tình từ tức Truyện Kiều chánh gốc*. Phạm Kim Chi phiên âm. Xuất bản lần đầu: Saigon, Imprimerie Huỳnh Kim Danh, 1917, bản kỷ nhĩ. Nxb Tri tân, Cần Thơ, 1973.
- QN⁽³⁾. *Kim Vân Kiều chú thích (Đoạn trường tân thanh)*. Bùi Khánh Diễm chú thích. Nhà in Ngô Tử Hạ, Hà Nội, 1924, in lần thứ hai, 1926. In lần thứ ba, Nxb Sống mới, Sài Gòn, 1960.
- QN⁽⁴⁾. *Truyện Kiều*. Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim hiệu khảo. In lần thứ nhất, Việt văn thư xã, Vĩnh Hưng Long thư quán, Hà Nội, 1925. In lần thứ ba, Tân Việt, Sài Gòn, 1950.
- QN⁽⁵⁾. *Kiều truyện dẫn giải*. Hồ Đắc Hàm, in lần thứ nhất, Nhà in Đắc Lập, Huế, 1929.
- QN⁽⁶⁾. *Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh)*. Nông Sơn Nguyễn Can Mộng hiệu đính và chú thích. Imprimerie D'Extrême Orient. Hanoi, 1936.
- QN⁽⁷⁾. *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện*. Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Nxb Tân dân, Hà Nội, 1941, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2000 (In theo bản Hương Sơn, Hà Nội, 1952).
- QN⁽⁸⁾. *Kim Vân Kiều*. Đỗ Nam cư sĩ dịch và chú thích, Nxb Ngày mai, Hà Nội, 1948.
- QN⁽⁹⁾. *Truyện Kiều chú giải*. Văn Hạc Lê Văn Hòe chú giải, hiệu đính, bình luận, Quốc học thư xã, Hà Nội, 1953.
- QN⁽¹⁰⁾. *Truyện Thúy Kiều (Đoạn trường tân thanh)*. Giáo sư Nguyễn Huy chú giải. Tủ sách giáo khoa, Nxb Á Châu, Hà Nội, 1954.
- QN⁽¹¹⁾. *Kim Vân Kiều*. Nguyễn Việt Hoài hiệu đính và chú thích, Nxb Kuy Sơn, Hà Nội, 1954.
- QN⁽¹²⁾. *Truyện Kiều. Lược khảo, lược chú*. Bùi Kỷ, Nxb Phổ thông, Hà Nội, 1960.
- QN⁽¹³⁾. *Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh)*. Nhóm Nghiên cứu văn bản *Truyện Kiều*, Viện Văn học, Nxb Văn học, Hà Nội, 1965.
- QN⁽¹⁴⁾. *Truyện Kiều*. Đào Duy Anh khảo đính, in kèm theo *Từ điển Truyện Kiều*, in lần thứ nhất, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1974.
- QN⁽¹⁵⁾. *Truyện Kiều. Văn bản và cơ sở chú giải*. Đào Duy Anh. Hiệu đính: Thế Lữ, Xuân Diệm, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Công Hoan, Hoài Thanh, Tuấn Đỏ, Nxb Đà Nẵng, 2002.
- QN⁽¹⁶⁾. *Truyện Kiều của Nguyễn Du*. Hà Huy Giáp giới thiệu, Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú thích, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2000.
- QN⁽¹⁷⁾. *Tìm nguyên tác Truyện Kiều*. Vũ Văn Kính hiệu khảo, Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh-Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 1998.
- QN⁽¹⁸⁾. *Truyện Kiều đối chiếu*. Phạm Đan Quế (Bản dịch Kim Vân Kiều - Thanh Tâm tài tử của Tô Nam-Nguyễn Đình Diệm), Phan Ngọc giới thiệu, in lần thứ nhất, Nxb Hà Nội, 1991.
- QN⁽¹⁹⁾. *Truyện Kiều đối chiếu*. Phạm Đan Quế (Bản dịch Kim Vân Kiều - Thanh Tâm tài tử của Tô Nam-Nguyễn Đình Diệm), Phan Ngọc giới thiệu, tái bản lần 1, Hải Phòng, 1999.

- QN⁽²⁰⁾. *Truyện Kiều tập chú*. Trần Văn Chánh-Trần Phước Thiện-Phạm Văn Hòa, Nxb Đà Nẵng, 1999.
- QN⁽²¹⁾. *Truyện Kiều*. Bùi Hạnh Cẩn-Hoài Ý biên dịch (ghi ở trang cuối cùng), Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 1999.
- QN⁽²²⁾. *Đoạn trường tân thanh* (Bản khắc năm 1834). Nguyễn Thạch Giang phiên khảo (không có bản chữ Nôm kèm theo), Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2005.
- QN⁽²³⁾. *Truyện Kiều (Tìm về Đoạn trường tân thanh)*. Đinh Trần Cường khảo biện và chú thích. Hội Văn nghệ Hà Tĩnh xuất bản, 2005.
- QN⁽²⁴⁾. *Sơ sánh dị bản Truyện Kiều*. Lê Quế, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005.
- QN⁽²⁵⁾. *Truyện Kiều*. Vũ Ngọc Khánh biên soạn, Nxb Hải Phòng, 2006.
- QN⁽²⁶⁾. *Truyện Kiều* (Khảo - Bình - Chú). Trần Nho Thìn (chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (khảo dị, chú thích, bình luận), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
- QN⁽²⁷⁾. *Truyện Kiều - Hướng về nguyên tác*. Phạm Đức Huân tuyển chọn và chú thích, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội. 2008.
- QN⁽²⁸⁾. *Truyện Kiều - Đoạn trường tân thanh*. Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Sĩ Lâm, Nguyễn Đức Vân chú giải, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2013.

2) Nhóm 2: 15 bản Nôm - Quốc ngữ

- N/QN⁽¹⁾. *Thúy Kiều truyện tường chú*. Chiêm Vân Thị chú đính, Lê Mạnh Liêu phiên dịch, Bộ Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1965.
- N/QN⁽²⁾. *Tư liệu Truyện Kiều*. Bản Duy Minh Thị 1872, Nguyễn Tài Cẩn giới thiệu, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
- N/QN⁽³⁾. *Truyện Kiều*. Bản Nôm cổ nhất Liễu Văn Đường 1871, Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị, Nxb Văn học-Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2002.
- N/QN⁽⁴⁾. *Truyện Kiều*. Bản Kinh đời Tự Đức. Nguyễn Quảng Tuân phiên âm, khảo dị, Nxb Văn học-Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2003.
- N/QN⁽⁵⁾. *Truyện Kiều*. Bản Nôm cổ nhất 1866 mới phát hiện, Nguyễn Quảng Tuân phiên âm, khảo dị và chú giải, Nxb Văn học-Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2004.
- N/QN⁽⁶⁾. *Truyện Kiều*. Bản Nôm Duy Minh Thị, Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo đính, Nxb Khoa học Xã hội, 2010.
- N/QN⁽⁷⁾. *Truyện Kiều*. Bản cổ nhất (khắc in năm 1866, Liễu Văn Đường - Tự Đức thập cửu niên), Nguyễn Khắc Bảo-Nguyễn Trí Sơn phiên âm và khảo đính 10 bản Kiều Nôm cổ, Nxb Nghệ An, 2004.
- N/QN⁽⁸⁾. *Đoạn trường tân thanh. Truyện Kiều đối chiếu Nôm-Quốc ngữ*. Thế Anh phiên âm và khảo dị (Phiên âm theo bản Nôm *Đoạn trường tân thanh* do Kiều Oánh Mậu chú thích, in năm Thành Thái thứ 4, Nhâm Dần, 1902), Nxb Văn học, 1999.
- N/QN⁽⁹⁾. *Truyện Kiều*, bản 1902 (bản Kiều Oánh Mậu). Sưu tầm, khảo chú và chế bản Nôm: Nguyễn Thế và Phan Anh Dũng, hiệu đính chữ Nôm: Nhà giáo ưu tú Nguyễn Đình Thảng, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2004.
- N/QN⁽¹⁰⁾. *Đoạn trường tân thanh. Đối chiếu Nôm-Quốc ngữ*, Nguyễn Huy Hùng (Houston, Texas, Hoa Kỳ) thực hiện từ một bản Nôm-Hán do Tăng Hữu Ứng chép tay năm Tự Đức thứ 27, 1874, hoàn thành năm 2002 và công bố trên mạng Internet, “không có ý giữ bản quyền”.
- N/QN⁽¹¹⁾. *Truyện Kiều Nôm-Quốc ngữ đối chiếu*. TS Phan Tử Phùng biên soạn, in chữ Nôm theo hàng ngang tương ứng với từng câu của bản Quốc ngữ, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2008.
- N/QN⁽¹²⁾. *Truyện Kiều*. Bản UNESCO, Quốc ngữ - Nôm đối chiếu, TS Phan Tử Phùng (chủ biên), Phan Văn Các, Thế Anh, Nguyễn Khắc Bảo, Trần Thế Hào, Trần Đình Tuấn, Nxb Lao động, Hà Nội, 2013.
- N/QN⁽¹³⁾. *Truyện Kiều*. Bản Nôm Thịnh Mỹ Đường, Tự Đức, Kỷ Mão 1879, Nguyễn Khắc Bảo phiên âm và khảo chú, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2004.
- N/QN⁽¹⁴⁾. *Truyện Kiều đối chiếu Nôm - Quốc ngữ*, Vũ Văn Kính khảo lục, Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 2001.

- N/QN⁽¹⁵⁾. *Truyện Kiều*. Văn bản hướng tới phục nguyên, Nguyễn Khắc Bảo khảo đính và chú giải, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2009.

3) Nhóm 3: 10 bản Ngoại ngữ - Quốc ngữ + 1 bản Pháp ngữ

- NN/QN⁽¹⁾. *Kim Vân Kiều tân truyện*. Abel des Michels, Publié et traduit pour la première fois, Ernest Laroux Editeur, Paris. 1884.
- NN/QN⁽²⁾. *Kim - Vân - Kiều*. Traduction en français par Nguyen-Van-Vinh, Hanoi, Editions Alexandre de Rhodes, 1942.
- NN/QN⁽³⁾. *Truyện Kiều*. Nguyễn Khắc Viện dịch sang tiếng Pháp, Nxb Ngoại văn, Hà Nội, 1965. In lại trong *Truyện Kiều và nghiên cứu sáng tác văn học*, Nxb Văn hóa, Sài Gòn, 2007.
- NN/QN⁽⁴⁾. *Kim Vân Kiều*. English traduction, Lê Xuân Thủy, Nxb Khai trí, Sài Gòn, 1963.
- NN/QN⁽⁵⁾. *Kieu, Vietnamese - English* (Song ngữ Việt-Anh), Translated by Nguyễn Văn Qua, Nxb Văn hóa-Thông tin, 2005.
- NN/QN⁽⁶⁾. *Kim Vân Kiều*. Nam âm thi tập, Hán văn dịch bản, Hán-Việt đối chiếu. Dịch giả: Trương Cam Vũ, Nxb Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh, 1994.
- NN/QN⁽⁷⁾. *Truyện Kiều*. Kieu (Bilingual Vietnamese-English). Traduction: Michael Counsell, Thế giới Publishers, Hà Nội, 2011.
- NN/QN⁽⁸⁾. *Truyện Kiều*. The Story of Kieu, Lê Cao Phan dịch sang tiếng Anh, Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 1996.
- NN/QN⁽⁹⁾. *Histoire de Thuy Kieu*. Truyện Thúy Kiều, Traduction française en vers libres par Lưu Hoài, Nxb Văn học, Hà Nội, 1993.
- NN/QN⁽¹⁰⁾. *Truyện Kiều*. Kim Vân Kiều truyện. Song ngữ Việt-Hoa, La Trường Sơn dịch, Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 2006.
- NN. *Kim Vân Kiều*. Nouvelle traduction française, Hà Nội, Editions Alexandre de Rhodes, 1944 (Không kèm theo bản Quốc ngữ).

TÓM TẮT

“Rút dây động rừng” và “Tai vách mạch rừng” là những câu thành ngữ quen thuộc của người Việt, được Nguyễn Du đưa vào hai câu thơ trong *Truyện Kiều*: “Rút dây, sợ nũa động rừng lại thôi” (câu 1580) và “Ở đây, tai vách mạch rừng” (câu 1.755). Tuy nhiên, vào khoảng đầu thế kỷ 20, một số nhà nghiên cứu đã cải biến chữ “rừng” trong 2 câu thành ngữ trên thành chữ “dùng” (nghĩa là bức tường, bức vách), rồi sửa luôn cả 2 câu thơ 1.580 và 1.755 trong *Truyện Kiều*, làm sai ý sai lời của đại thi hào họ Nguyễn. Tuy vẫn có nhiều nhà khảo chú *Truyện Kiều* không chấp nhận sự cải biến ấy, nhưng chưa thấy ai lên tiếng chấn chỉnh, để cho tình trạng sai đúng lẫn lộn song hành trong suốt cả một thời gian dài.

Bài viết này khảo luận về hai câu thành ngữ nói trên, với mong muốn có thể xác định dứt khoát một chữ “rừng” hay “dùng” trong hai câu thành ngữ nói trên, như một bước tìm về nguyên tác *Truyện Kiều*.

ABSTRACT

A STEP OF RETURNING TO THE ORIGINAL OF *THE TALE OF KIỀU* INVESTIGATING INTO TWO PROVERBS “*RÚT DÂY ĐỘNG RỪNG*” AND “*TAI VÁCH MẠCH RỪNG*”

“Rút dây động rừng” [A chain is no stronger than its weakest link] and “Tai vách mạch rừng” [Fields have eyes, and woods have ears/Walls have ears] are the familiar Vietnamese proverbs inserted into two verses in *the Tale of Kiều* by Nguyễn Du: “Rút dây, sợ nũa động rừng lại thôi” (verse 1,580) and “Ở đây, tai vách mạch rừng” (verse 1,755). However, in the early 20th century, due to misunderstanding great poet Nguyễn Du’s idea and words, some researchers changed the word “rừng” [woods/forest] in these two proverbs into “dùng” [wall, wattle], then changed two verses 1,580 and 1,755 in *the Tale of Kiều*. Although many annotators of *the Tale of Kiều* do not accept that change, no one expresses his opinion to correct it, which has caused confusion for a length of time.

This article aims to investigate into two proverbs mentioned above, with the desire to be able to definitively determine which word is correct, “rừng” [woods/forest] or “dùng” [wall, wattle], as a step of returning to the original of *the Tale of Kiều*.